|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNGVIỆT NAM**  **CÔNG ĐOÀN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**  Số: 184 /CĐCT-CSPL  *V/v triển khai Bộ câu hỏi Thi tìm hiểu*  *về ATVSLĐ và phòng chống dịch*  *COVID-19 trực tuyến* |  | **CỘNG** **HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 07tháng 5 năm 2020* |

Kính gửi: **Công đoàn cấp trên cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc**

**Công đoàn Công Thương Việt Nam**

Thực hiện Kế hoạch số 96/KH-TLĐ ngày 30/12/2019 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc tổ chức Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi toàn quốc lần thứ 4 năm 2020 và Hướng dẫn số 05/HD-TLĐ ngày 10/4/2020 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020 trong các cấp công đoàn, Tổng Liên đoàn đã xây dựng Bộ câu hỏi tìm hiểu về công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống dịch COVID-19 tại nơi làm việc và Công văn số 399/TLĐ ngày 28/4/2020 về việc triển khai Bộ câu hỏi Thi tìm hiểu về ATVSLĐ và Phòng chống dịch Covid - 19 trực tuyến, Công đoàn Công Thương Việt Nam đề nghị Công đoàn cấp trên cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc căn cứ tình hình thực tiễn, tổ chức triển khai Thi ATVSV giỏi hoặc Thi tìm hiểu về công tác ATVSLĐ bằng hình thức trực tuyến trong dịp Tháng Công nhân và Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020.

File tài liệu Bộ câu hỏi đăng tải trên Hệ thống Wbsite của Công đoàn Công Thương Việt Nam.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có ý kiến đóng góp hoặc phản hồi về Bộ câu hỏi, đề nghị gửi về Công đoàn Công Thương Việt Nam (Ban Chính sách pháp luật) để tiếp thu, hoàn thiện.

*Mọi thông tin chi tiết, liên hệ đ/c Ngô Bá Đức , Ban Chính sách Pháp luật CĐCTVN; Email: ducnb@vuit.org.vn; ĐT: 0963253948 - 024.39387501.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lãnh đạo CĐN;  - Lưu: VT, Ban CSPL. | **TM. BAN THƯỜNG VỤ**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  *(Đã ký)*  **Quách Văn Ngọc** |

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*



**BỘ CÂU HỎI**

**TÌM HIỂU VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19**

### Năm - 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đề mục** | **Số câu** | **Trang** |
| Quy định của pháp luật về ATVSLĐ |  | **2** |
| Các văn bản chỉ đạo của Tổng Liên đoàn | 21 | **3** |
| Quy định pháp luật về ATVSLĐ | 149 | **10** |
| Kỹ thuật an toàn lao động | 28 | **53** |
| Kỹ thuật vệ sinh lao động | 29 | **61** |
| An toàn vệ sinh viên | 30 | **70** |
| Quy định pháp luật và kiến thức về phòng cháy chữa cháy | 30 | **78** |
| Phòng chống dịch COVID-19 tại nơi làm việc | 20 | **86** |
| Tình huống An toàn, vệ sinh lao động | 34 | **92** |
| Thực hành sơ cấp cứu tai nạn lao động | 20 | **118** |

**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**(170 câu)**

**1. Các văn bản chỉ đạo của Tổng Liên đoàn: câu 1 - câu 21**

**2. Quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động: câu 22 - câu 170**

2.1.Quyền, nghĩa vụ về ATVSLĐ của NSDLĐ, NLĐ: câu 22- câu 29

2.2. Quyền trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác ATVSLĐ: câu 30 - câu 36

2.3. Tổ chức bộ máy làm công tác ATVSLĐ trong doanh nghiệp: câu 37 - câu 45

2.4. Thông tin, tuyên truyền, huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động: câu 46 - câu 53

2.5. Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: câu 54 - câu78

2.6. ATVSLĐ đối với một số lao động đặc thù: lao động nữ, lao động nữ, lao động vị thành niên, lao động cao tuổi: câu 79 - câu 81

2.7. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi: câu 82 - câu 84

2.8. Nội quy, quy trình, biện pháp làm việc bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc: câu 85 - câu 129

2.9. Chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động: câu 130 - câu 156

2.10. Quản lý, kiểm định, khai báo, sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ. Nghề, công việc nặng nhọc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: câu 157 - câu 170

**CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TỔNG LIÊN ĐOÀN**

**Câu 1:** Mục tiêu của phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” là gì?

a. Cơ quan, đơn vị ngày càng xanh, sạch và đẹp.

b. Đảm bảo cho điều kiện và môi trường khu vực sản xuất được cải thiện hơn, bớt ô nhiễm.

c. Nâng cao văn hóa an toàn trong sản xuất, giúp cho người lao động càng thêm yêu mến, gắn bó với đơn vị cơ sở, phấn khởi nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả công tác.

*d. Tất cả các mục tiêu trên.*

**Đáp án: d (Chỉ thị 05/TLĐ ngày 24/4/1996)**

**Câu 2:** Nội dung nào được bổ sung trong Chỉ thị số 04/CT-TLĐ ngày 03/3/2017 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” trong tình hình mới?

a. Tuyên truyền và giáo dục cho công nhân lao động thấy được sự cần thiết phải làm cho môi trường xanh, sạch, đẹp, đảm bảo ATVSLĐ.

*b. Xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc; bảo đảm ATVSLĐ gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc thực hiện Tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu.*

c. Vận động mọi người giữ gìn an toàn, vệ sinh lao động, làm cho nơi làm việc, nhà xưởng phong quang, gọn sạch.

d. Thực hiện thường xuyên chế độ kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động.

**Đáp án: b**

**Câu 3:** Phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” được phát động vào thời gian nào?

a. Năm 1994

b. Năm 1995

*c. Năm 1996*

d. Năm 1997

**Đáp án: c (Chỉ thị số 05/TLĐ ngày 24/4/1996)**

**Câu 4:** Nơi phát động phong trào *“Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”* lần đầu tiên là ở đâu?

1. Công ty supe Phốt phát Lâm Thao, Phú Thọ.
2. Công ty Xi măng Hải Phòng.
3. Công ty đóng tàu Ba Son, TP Hồ Chí Minh.
4. *Công ty Phân Đạm Hà Bắc.*

**Đáp án: d**

**Câu 5:** Nghị quyết về nâng cao hiệu quả công tác an toàn vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới được Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành ngày 12/01/2017 là:

a. Nghị quyết 10a/NQ-BCH

b. Nghị quyết 10b/NQ-BCH

*c. Nghị quyết 10c/NQ-BCH*

**Đáp án: c**

**Câu 6:** Nghị quyết 10c/NQ-BCH ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới đề ra chỉ tiêu nào dưới đây?

a. 100% cán bộ công đoàn làm công tác an toàn vệ sinh lao động cấp trên cơ sở được huấn luyện về công tác an toàn vệ sinh lao động.

b. 100% cán bộ công đoàn chủ chốt của các công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp thuộc ngành nghề có nguy cơ cao được huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động.

c. 100% doanh nghiệp thuộc ngành nghề có nguy cơ cao thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

*d. Các đáp án trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 7:** Đâu là nhiệm vụ, giải pháp thuộc Nghị quyết số 10c/NQ-BCH ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới?

a. Nâng cao năng lực, hiệu quả công đoàn tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chế độ chính sách về an toàn vệ sinh lao động.

b. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào quần chúng làm công tác an toàn vệ sinh lao động và góp phần thúc đẩy thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c. Tăng cường hiệu quả phối hợp với các cơ quan chức năng, người sử dụng lao động trong công tác an toàn vệ sinh lao động.

*d. Tất cả các nhiệm vụ, giải pháp trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 8:** Trong các chỉ tiêu dưới đây, chỉ tiêu nào thuộc chỉ tiêu của Nghị quyết 10c/NQ-BCH ngày 12/01/2017 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động của tổ chức công đoàn trong tình hình mới?

a. 100% doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công và 50% trở lên số doanh nghiệp ngoài nhà nước hưởng ứng phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”.

b. 100% các vụ TNLĐ nặng và chết người được báo cáo, điều tra và có đại diện công đoàn tham gia đoàn điều tra, giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người lao động bị TNLĐ, BNN.

*c. Tất cả các chỉ tiêu trên.*

**Đáp án: c**

**Câu 9:** Chỉ thị số 01/CT-TLĐ ngày 19/11/2012 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc thực hiện thống kê, báo cáo tai nạn lao động trong hệ thống công đoàn quy định: Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải báo cáo nhanh về Tổng Liên đoàn khi nhận được được thông tin đối với các vụ tai nạn lao động nào?

a. Các vụ tai nạn lao động nhẹ.

b. Các vụ tai nạn lao động làm một người bị thương nặng.

c. Các vụ tai nạn lao động nhẹ, tai nạn lao động làm một người bị thương nặng.

*d. Tai nạn lao động chết người và tai nạn lao động có từ hai người bị thương nặng trở lên.*

**Đáp án: d**

**Câu 10:** Chỉ thị số 01/CT-TLĐ ngày 19/11/2012 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc thực hiện thống kê, báo cáo tai nạn lao động trong hệ thống công đoàn quy định các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn tổng hợp tình hình TNLĐ trong các đơn vị quản lý định kỳ báo cáo về Tổng Liên đoàn?

a. Hàng tháng

b. 3 tháng, cả năm

*c. 6 tháng, cả năm*

d. 9 tháng, cả năm

**Đáp án: c**

**Câu 11:** Mục đích củaKế hoạch số 73/KH-TLĐ ngày 19/9/2019 của Đoàn Chủ tịch tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về triển khai các nhiệm vụ công đoàn tham gia cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2019-2023 là gì?

a. Nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, tạo sự chuyển biến mạnh về nhận thức và hành động trong việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động trong các cấp công đoàn.

b. Nâng cao một bước vai trò, trách nhiệm của các cấp công đoàn trong việc giám sát, bảo vệ quyền lợi của người lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c. Góp phần cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

*d. Tất cả các mục đích trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 12:** Kế hoạch số 73/KH-TLĐ ngày 19/9/2019 của Đoàn Chủ tịch tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về triển khai các nhiệm vụ công đoàn tham gia cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2019-2023 đề ra các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nào sau đây?

a. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác an toàn, vệ sinh lao động trong các cấp công đoàn.

b. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy, cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động của các cấp công đoàn.

c. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện văn bản pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động.

d. Thông tin, tuyên truyền về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

e. Tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động.

*f. Tất cả các**nhóm nhiệm vụ, giải pháp trên.*

**Đáp án: f**

**Câu 13:** Nội dung nào thuộc các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch số 73/KH-TLĐ ngày 19/9/2019 của Đoàn Chủ tịch tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về triển khai các nhiệm vụ công đoàn tham gia cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2019-2023?

a. Nhóm nhiệm vụ giải pháp kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy, cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động của các cấp công đoàn.

b. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện văn bản pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động.

c. Nhóm nhiệm vụ giải pháp về công tác thi đua khen thưởng.

d. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về thông tin, tuyên truyền về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

*e. Đáp án a, b, d*

**Đáp án: e**

**Câu 14:** Nội dung *“Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ công đoàn về nghiệp vụ và kỹ năng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động”* thuộc nhóm nhiệm vụ, giải pháp nào trong Kế hoạch số 73/KH-TLĐ ngày 19/9/2019 của Đoàn Chủ tịch tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về triển khai các nhiệm vụ công đoàn tham gia cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2019-2023?

*a. Kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy, cán bộ làm công tác an toàn, vệ sinh lao động của các cấp công đoàn.*

b. Thông tin, tuyên truyền về công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện văn bản pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động.

d. Tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, điều tra tai nạn lao động.

**Đáp án: a**

**Câu 15:** Chủ đề Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2020 là:

a. Thúc đẩy công tác huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động để phòng ngừa các tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

b. Chủ động phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc để hạn chế tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

*c. Đẩy mạnh cải thiện điều kiện lao động và kiểm soát các nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.*

**Đáp án: c**

**Câu 16:** Tháng hành động về ATVSLĐ phát động vào tháng nào hàng năm?

a. Tháng 3

b. Tháng 4

*c. Tháng 5*

d. Tháng 6

**Đáp án: c (QĐ87/QĐ-TTg ngày 12/01/2016)**

**Câu 17:** Tháng hành động về ATVSLĐ bắt đầu tổ chức từ năm nào?

a. Năm 2015

b. Năm 2016

*c. Năm 2017*

d. Năm 2018

**Đáp án: c**

**Câu 18:** Đối tượng tập thể được xét tặng Bằng khen chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” hàng năm là:

*a. Công đoàn cơ sở.*

b. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

c. Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d. Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc TLĐ.

**Đáp án: a (Tiết 2, mục 1, phần I, HD2443/HD-TLĐ ngày 12/12/2018 và công văn 396/TLĐ ngày 19/3/2018)**

**Câu 19:** Tiêu chuẩn khen thưởng Cờ thi thi đua chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” hàng năm của Tổng Liên đoàn đối với CĐCS bao gồm:

*a. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các CĐCS vững mạnh và dẫn đầu phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của ngành địa phương; không có tai nạn lao động nặng, tai nạn lao động chết người; không có cháy nổ nghiêm trọng; không tăng thêm số người mắc bệnh nghề nghiệp so với năm trước.*

b. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các CĐCS vững mạnh và dẫn đầu phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của ngành địa phương; không có tai nạn lao động chết người; không có cháy nổ nghiêm trọng; không tăng thêm số người mắc bệnh nghề nghiệp so với năm trước.

c. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các CĐCS vững mạnh và dẫn đầu phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của ngành địa phương; không có tai nạn lao động chết người; không có cháy nổ nghiêm trọng.

**Đáp án: a (HD2443/HD-TLĐ ngày 12/12/2018 và công văn 396/TLĐ ngày 19/3/2018)**

**Câu 20:** Đối tượng cá nhân nào được ưu tiên xét tặng Bằng khen chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của Tổng Liên đoàn?

*a. Công nhân trực tiếp sản xuất.*

b. Cán bộ làm công tác ATVSLĐ.

c. Cán bộ công chức.

**Đáp án: a (Tiết 1.2.2, Điểm 1.2, mục 1, phần II, HD2443/HD-TLĐ ngày 12/12/2018)**

**Câu 21:** Đối với Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, tiêu chuẩn khen thưởng Cờ thi đua chuyên đề “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của Tổng Liên đoàn gồm:

a. Đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

b. Dẫn đầu phong trào thi đua “Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm ATVSLĐ” của địa phương, ngành.

*c. Tất cả các tiêu chuẩn trên.*

**Đáp án: c (HD2443/HD-TLĐ ngày 12/12/2018)**

**QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**Câu 22:** Theo quy định, người lao động có quyền rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ có thể xảy ra TNLĐ, đe doạ đến tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng:

*a. Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.*

b. Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp, được trả 50% tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.

c. Phải báo ngay với người quản lý trực tiếp, được trả 30% tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động.

**Đáp án: a (Điểm đ, K1, Đ6, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 23:** Theo quy định, người lao động làm việc theo Hợp đồng lao động có bao nhiêu quyền và nghĩa vụ?

*a. 6 quyền và 3 nghĩa vụ.*

b. 7 quyền và 3 ngĩa vụ.

c. quyền và 4 nghĩa vụ.

**Đáp án: a (Đ6, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 24:** Điểm nào sau đây **không** thuộc nghĩa vụ của người lao động theo quy định?

a. Chấp hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.

*b. Tham gia đoàn điều tra Tai nạn lao động tại doanh nghiệp*.

c. Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp.

d. Tuân thủ các giao kết về ATVSLĐ trong hợp đồng lao động.

**Đáp án: b (K2, Đ6, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 25:** Theo quy định, khi xảy ra nguy cơ gây mất ATVSLĐ tại nơi làm việc thì người lao động phải làm gì?

a. Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất ATVSLĐ, hành vi vi phạm quy định ATVSLĐ tại nơi làm việc.

b. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm.

c. Chủ động tham gia ứng cứu khắc phục sự cố, TNLĐ theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*d. Cả 3 đáp án trên.*

**Đáp án: d (K4, Đ17, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 26:** Người lao động có trách nhiệm gì dưới đây trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

a. Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động.

b.Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

c. Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

*d. Tất cả các trách nhiệm trên.*

**Đáp án: d (K4, Đ17, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 27:** Theo quy định, người sử dụng lao động có mấy quyền và nghĩa vụ về công tác ATVSLĐ?

a. 6 quyền và 3 nghĩa vụ.

b. 5 quyền và 3 ngĩa vụ.

*c. 4 quyền và 7 nghĩa vụ.*

**Đáp án: c (Đ7, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 28:** Người sử dụng lao động có nghĩa vụ nào dưới đây?

a. Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ.

b. Trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động, bảo đảm ATVSLĐ.

c. Thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện BNN; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị TNLĐ, BNN cho người lao động.

*d. Tất cả các nghĩa vụ trên.*

**Đáp án: d (K2, Đ7, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 29:** Tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện cho người lao động quy định, nội quy, quy trình về ATVSLĐ, biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc có liên quan đến đến công việc, nhiệm vụ được giao là trách nhiệm của ai?

*a. Người sử dụng lao động.*

b. Người làm công tác ATVSLĐ.

c. Người làm công tác y tế.

d. An toàn vệ sinh viên.

**Đáp án: a (K7, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 30:** Để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải phối hợp với ai?

*a. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.*

b. Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở.

c. Người làm công tác an toàn vệ sinh lao động.

d. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

**Đáp án: a (K1, Đ20, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 31:** Trong các đáp án dưới đây, đáp án nào thuộc quyền và trách nhiệm của tổ chức công đoàn trong công tác ATVSLĐ?

a. Tham gia với cơ quan nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật về ATVSLĐ.

b.Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tổ chứcphong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c. Phối hợp với cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra , giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về ATVSLĐ có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d** **(Đ9, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 32:** Khi phát hiện nơi làm việc có yếu tố có hại hoặc yếu yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của con người trong quá trình lao động, tổ chức công đoàn thực hiện ngay việc gì sau đây?

*a. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, thực hiện các biện pháp khắc phục kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động.*

b. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động.

c. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Đáp án: a** **(Điểm 3, K2, Đ9, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 33:** Trong công tác an toàn, vệ sinh lao động, Công đoàn cơ sở có quyền, trách nhiệm nào sau đây?

a. Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động.

b. Giám sát và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

c. Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn, vệ sinh lao động trong thỏa ước lao động tập thể.

d. Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động điều tra tai nạn lao động và giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

*e. Tất cả các quyền và trách nhiệm trên.*

**Đáp án: e (Đ10, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 34:** “Đối thoại với người sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về an toàn, vệ sinh lao động” là quyền và trách nhiệm của ai?

a.Bộ phận y tế.

*b. Công đoàn cơ sở.*

c. Bộ phận an toàn, vệ sinh lao động.

d. Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

**Đáp án: b (K3, Đ10, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 35:** Trong công tác ATVSLĐ, CĐCS phối hợp với người sử dụng lao động thực hiện công việc gì dưới đây?

a. Tổ chức các phong trào thi đua, phong trào quần chúng làm công tác ATVSLĐ.

b. Xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.

c. Tổ chức tập huấn, huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ công đoàn và người lao động.

*d. Tất cả các công việc trên.*

**Đáp án: d (K6,9, Đ10, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 36:** Khi phát hiện nơi làm việc có nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người lao động thì CĐCS thực hiện ngay việc gì sau đây?

*a. Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, kể cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động nếu cần thiết.*

b. Báo với công đoàn cấp trên trực tiếp.

c. Báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Đáp án: a (K7, Đ10, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 37:** Các doanh nghiệp không hoạt động trong các ngành nghề có nguy cơ cao về TNLĐ sử dụng bao nhiêu lao động trở lên phải thành lậpphòng an toàn, vệ sinh lao động hoặc bố trí ít nhất 2 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách?

a. 300 lao động

b. 500 lao động.

c. 700 lao động.

*d. 1000 lao động.*

**Đáp án: d (Điểm c, K2, Đ36, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 38:** Doanh nghiệphoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề sản xuất hóa chất, sản xuất kim loại, thi công công trình xây dựng, sản xuất, truyền tải và phân phối điện sử dụng bao nhiêu lao động trở lên thì phải thành lập phòng ATVSLĐ hoặc bố trí ít nhất 03 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách?

a. 500 lao động.

b. 700 lao động.

*c. 1000 lao động.*

**Đáp án: c (Điềm d, K1, Đ36, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 39:** Người làm công tác ATVSLĐ chuyên trách tại doanh nghiệp là người có trình độ **cao đẳng** thuộc các chuyên ngành khối kỹ thuậtvà phải có ít nhất mấy năm kinh nghiệm làm lĩnh vực SXKD của cơ sở?

a. 1 năm

b. 2 năm

*c. 3 năm*

d. 4 năm

**Đáp án: c (Điểm b, K3, Đ36, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 40:** Người làm công tác ATVSLĐ chuyên trách tại doanh nghiệp là người có trìnhđộ **đại học** thuộc các chuyên ngành khối kỹ thuật vàphải có ít nhất mấy năm kinh nghiệm làm lĩnh vực SXKD của cơ sở?

*a. 1 năm*

b. 2 năm

c. 3 năm

**Đáp án: a (Điểm a, K3, Đ36, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 41:** Người làm công tác chuyên trách an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp là người có trình độ **trung cấp** thuộc chuyên ngành khối kỹ thuật hoặc **trực tiếp làm công việc kỹ thuật** và phải có ít nhất mấy năm kinh nghiệm làm lĩnh vực sản xuất kinh doanh của cơ sở?

a. 3 năm

b. 4 năm

*c. 5 năm*

**Đáp án: c (Điểm c, K3, Đ36, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 42:** Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động **bán chuyên trách** tại doanh nghiệp là người **có trình độ trung cấp thuộc chuyên ngành khối kỹ thuật hoặc trực tiếp làm công việc kỹ thuật** phải có ít nhất mấy năm kinh nghiệm làm lĩnh vực SXKD của cơ sở?

a. 1 năm

b. 2 năm

*c. 3 năm*

d. 4 năm

**Đáp án: c (Điểm c, K4, Đ36, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 43:** Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bán chuyên trách tại doanh nghiệp là người **có trình độ cao đẳng thuộc các chuyên ngành khối kỹ thuật và** phải có ít nhất mấy năm kinh nghiệm làm lĩnh vực SXKD của cơ sở?

*a. 1 năm*

b. 2 năm

c. 3 năm

d. 4 năm

**Đáp án: a (Điểm b Khoản 4 Điều 36 Nghị định 39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 44:** Doanh nghiệp sản xuất hóa chất sử dụng từ bao nhiêu lao động trở lên thì phải thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở?

*a. 300 lao động*

b. 500 lao động

c. 700 lao động

d. 1000 lao động

**Đáp án: a (Điểm a, K1, Đ38, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 45:** Thành phần Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở, đại diện BCH Công đoàn cơ sở là:

*a. Phó Chủ tịch Hội đồng*

b. Ủy viên Thường trực

c. Thư ký Hội đồng

**Đáp án: a** **(K3, Đ75, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 46:** Theo quy định, trong cơ sở sản xuất kinh doanh đối tượng phải tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và được tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cấp giấy chứng nhận sau khi kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu gồm đối tượng nào sau đây?

a. Người quản lý phụ trách ATVSLĐ.

b. Người làm công tác ATVSLĐ.

c. Người làm công tác y tế.

d. An toàn vệ sinh viên.

*e. Tất cả các đối tượng trên.*

**Đáp án: e (K1, Đ14, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 47:** Theo quy định đối tượng tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ được quy định thành mấy nhóm?

a. 4 nhóm

b. 5 nhóm

*c. 6 nhóm*

**Đáp án: c (Đ17, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 48:** Huấn luyện ATVSLĐ nhóm 5 thuộc đối tượng nào sau đây?

a. An toàn vệ sinh viên

*b. Người làm công tác y tế*

c. Quản đốc phân xưởng

d. Người làm công tác ATVSLĐ

**Đáp án: b (K5, Đ17, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 49:** Thời gian huấn luyện định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động (nhóm 4) ít nhất là mấy giờ?

*a. 8 giờ*

b. 16 giờ

c. 24 giờ

**Đáp án: a (K2, Đ21, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 50:** Thời gian huấn luyện lần đầu về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ (nhóm 3) ít nhất là mấy giờ bao gồm cả thời gian kiểm tra?

a. 16 giờ

*b. 24 giờ*

c. 48 giờ

**Đáp án: b (K3, Đ19, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 51:** Thời gian huấn luyện lần đầu về an toàn, vệ sinh lao động đối với người làm công tác an toàn vệ sinh lao động (nhóm 2) ít nhất là mấy giờ bao gồm cả thời gian huấn luyện lý thuyết, thực hành và kiểm tra?

a. 16 giờ

b. 24 giờ

*c. 48 giờ*

**Đáp án: c** **(K2, Đ19, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 52:** Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với người lao động trong thời gian tham dự huấn luyện theo quy định của pháp luật?

*a. Trả đầy đủ tiền lương.*

b. Trả 50% tiền lương.

c. Trả lương theo thỏa thuận.

**Đáp án: a** **(K4, Đ45, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 53:** Nội dung huấn luyện Nhóm 3 theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ gồm những nội dung nào?

a. Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

b. Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động.

c. Nội dung huấn luyện chuyên ngành.

*d. Tất cả các nội dung trên.*

**Đáp án: d (K3, Đ18, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 54:** Thành phần đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở bao gồm:

a. Người sử dụng lao động hoặc người đại diện.

b. Đại diện Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc đại diện tập thể người lao động khi chưa thành lập tổ chức công đoàn cơ sở.

c. Người làm công tác an toàn lao động, người làm công tác y tế và một số thành viên khác.

*d. Tất cả các thành phần trên.*

**Đáp án: d (K1, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 55:** Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh bao gồm:

a. Thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh.

b. Đại diện Liên đoàn Lao động cấp tỉnh.

c. Đại diện Sở Y tế và một số thành viên khác.

*d. Tất cả các thành phần trên.*

**Đáp án: d (K2, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 56:** Theo quy định Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra các vụ tai nạn lao động nào?

a. Tai nạn lao động chết người.

b. Tai nạn lao động làm thương nặng từ 2 người lao động trở lên.

*c. Cả a và b.*

**Đáp án: c (K2, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 57:** Theo quy định, khi xảy ra tai nạn chết người, người sử dụng lao động có trách nhiệm khai báo ngay với Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi xảy ra tai nạn và Cơ quan Công an cấp huyện đúng hay sai?

*a. Đúng*

b. Sai

**Đáp án: a (Điểm a, K1, Đ10, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 58:** Người sử dụng lao động phải thống kê, báo cáo tai nạn lao động tại cơ sở của mình đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh định kỳ như thế nào?

a. Hàng tháng

*b. 06 tháng và hàng năm*

c. 3 tháng và 9 tháng

**Đáp án: b (K1, Đ36, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 59:** Người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bị tai nạn trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về đến nơi ở được hưởng chế độ tai nạn lao động khi đảm bảo các điều kiện nào dưới đây?

a. Trong khoảng thời gian hợp lý.

b. Do người gây tai nạn vi phạm Luật giao thông.

*c. Trên tuyến đường hợp lý và trong khoảng thời gian hợp lý.*

d. Trên tuyến đường hợp lý.

**Đáp án: c (Điểm c, K1, Đ45, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 60:** Những trường hợp nào sau đây, người lao động **không** được hưởng chế độ từ người sử dụng lao động khi bị tai nạn lao động?

a. Tai nạn do người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân.

b. Tai nạn do người lao động sử dụng ma túy.

c. Tai nạn do mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

*d. Cả 3 trường hợp trên.*

**Đáp án: d (Điểm c, K1, Đ40, Luật ATVSLĐ và K6, Đ11, TT26/2017/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 62:** Trường hợp nào sau đây người sử dụng lao động trợ cấp cho người lao động?

a. Người lao động bị TNLĐ do chính họ gây ra.

b. Người lao động bị tai nạn trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc. hoặc từ nơi làm việc về đến nơi ở do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra TNLĐ.

*c. Cả hai trường hợp trên.*

**Đáp án: c (K5, Đ38 - K2, Đ39, Luật ATVLĐ)**

**Câu 63:** Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và bị bệnh nghề nghiệp với mức như thế nào?

a. Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80% khả năng lao động.

b. Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

*c. Cả a và b*

**Đáp án: c (K4, Đ38, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 64:** Người lao động được hưởng trợ cấp một lần khi bị suy giảm khả năng lao động ở trường hợp nào sau đây?

a. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 60%.

*b. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30%.*

c. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 35%.

**Đáp án: b (K1, Đ48, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 65:** Người lao động được trợ cấp hàng tháng, khi bị suy giảm khả năng lao động ở trường hợp nào sau đây?

a. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 15%.

b. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 16% đến 30%.

*c. NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên.*

**Đáp án: c (K1, Đ49, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 66:** Mức hưởngtrợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một lần, hằng tháng cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động được tính như sau:

*a. Bằng tổng mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động và mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN.*

b. Bằng mức trợ cấp tính theo mức suy giảm khả năng lao động.

c. Bằng mức trợ cấp tính theo số năm đóng vào quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN.

**Đáp án: a (K2, Đ48,49, Luật ATVSLĐ và K1,2, Đ5, TT26/2017/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 67:** Thời hạn điều tra đối với vụ tai nạn lao động làm thương nặng một người lao động tính từ thời điểm nhận tin báo, khai báo tai nạn lao động đến khi công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không quá mấy ngày?

a. 4 ngày

*b. 7 ngày*

c. 20 ngày

**Đáp án: b (K6, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 68:** Thời hạn điều tra đối với vụ tai nạn lao động bị thương nặng từ hai người lao động trở lên, tính từ thời điểm nhận tin báo, khai báo tai nạn lao động đến khi công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không quá mấy ngày?

a. 4 ngày

b. 7 ngày

*c. 20 ngày*

**Đáp án: c (K6, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 69:** Thời hạn điều tra đối với vụ tai nạn lao động chết người, tính từ thời điểm nhận tin báo, khai báo tai nạn lao động đến khi công bố biên bản điều tra tai nạn lao động không quá mấy ngày?

a. 20 ngày

*b. 30 ngày*

c. 60 ngày

**Đáp án: b (K6, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 70:** Người sử dụng lao động có trách nhiệm gì đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp không tham gia bảo hiểm y tế?

*a. Thanh toán toàn bộ chi phí y tế.*

b. Thanh toán 50% chi phí y tế.

**Đáp án: a (Điểm c, K2, Đ35, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 71:** Giới thiệu để người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được giám định y khoa xác định mức độ suy giảm khả năng lao động là trách nhiêm của ai?

a. Đoàn điều tra tai nạn.

b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

*c. Người sử dụng lao động.*

**Đáp án: c (K6, Đ38, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 72:** Điều kiện để người lao động bị TNLĐ, BNN được hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng từ Quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN?

a. Được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ định phục hồi chức năng lao động.

b. Suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

*c. Đáp án a, b*

**Đáp án: c (Đ19, NĐ37/2016/NĐ-CP)**

**Câu 73:** Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như thế nào?

a. Tối đa 10 ngày đối với trường hợp bị TNLĐ, BNN có mức suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên.

b. Tối đa 07 ngày đối với trường hợp bị TNLĐ, BNN có mức suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 50%.

c. Tối đa 05 ngày đối với trường hợp bị TNLĐ, BNN có mức suy giảm khả năng lao động từ 15% đến 30%.

*d. Cả a, b và c*

**Đáp án: d (K2, Đ54, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 74:** Người sử dụng lao động thực hiện bồi thường, trợ cấp đối với người bị TNLĐ, BNN trong thời hạn bao lâukể từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa về mức suy giảm khả năng lao động?

*a. 05 ngày*

b.07 ngày

c. 10 ngày

**Đáp án: a (K7, Đ38, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 75:** Trong trường hợp người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm TNLĐ, BNN cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, khi người lao động bị TNLĐ, BNN thì người sử dụng lao động phải chi trả cho người lao động các khoản sau:

*a. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN và trả khoản tiền tương ứng với chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.*

b. Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN.

c.Bồi thường hoặc trợ cấp theo quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người bị TNLĐ, BNN và trả 50% khoản tiền tương ứng với chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Đáp án: a (K4, Đ39, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 76:** Hiện nay, Việt Nam có bao nhiêu bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội?

a. 32

*b. 34*

c. 36

**Đáp án: b (TT15/2016/TT-BYT)**

**Câu 77:** Thời hạn điều tra BNN không quá bao nhiêu ngày kể từ ngày quyết định thành lập đoàn điều tra bệnh nghề nghiệp có hiệu lực thi hành?

a. 30 ngày

*b. 45 ngày*

c. 50 ngày

**Đáp án: b (K1, Đ18, TT28/2016/TT-BYT)**

**Câu 78:** Hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm TNLĐ bao gồm:

a. Sổ BHXH.

b. Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị TNLĐ đối với trường hợp nội trú.

c. Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

d. Văn bản đề nghị giải quyết chế độ TNLĐ.

*e. Bao gồm tất cả giấy tờ trên.*

**Đáp án: e (Đ57, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 79:** Người sử dụng lao động có thể sử dụng người lao động cao tuổi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm không quá bao nhiêu năm?

*a. 5 năm*

b. 6 năm

c. 7 năm

**Đáp án: a (Đ64, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 80:** Theo quy định, lao động nữ làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm khi mang thai báo cho người sử dụng lao động biết thì được người sử dụng lao động:

a. Chuyển sang làm công việc nhẹ hơn, an toàn hơn mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

b. Giảm bớt 01 giờ làm việc hằng ngày mà không bị cắt giảm tiền lương và quyền, lợi ích cho đến hết thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

*c. Cả a và b*

**Đáp án: c (K2, Đ137, Bộ luật lao động 2019)**

**Câu 81:** Các công việc nào sau đây cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi?

a. Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác.

b. Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ.

c. Phá dỡ các công trình xây dựng.

*d. Tất cả các công việc trên.*

**Đáp án: d (Đ147, Bộ Luật Lao động 2019)**

**Câu 82:** Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng các yêu cầu:

*a. Phải được sự đồng ý của người lao động; Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng; không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp một số ngành nghề, công việc quy định được làm thêm 300 giờ trong 1 năm.*

b. Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày.

c. Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp một số ngành nghề, công việc quy định được làm thêm 300 giờ trong 1 năm.

**Đáp án: a (K2, Đ107, Bộ Luật Lao động 2019)**

**Câu 83:** Người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất mấy giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác?

a. 6 giờ

*b. 12 giờ*

c. 24 giờ

**Đáp án: b (Đ110, Bộ Luật Lao động 2019)**

**Câu 84:** Trong các đáp án dưới đây, đáp án nào thuộc trách nhiệm của bên thuê lại lao động?

a. Không được phân biệt đối xử về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động thuê lại so với người lao động của mình.

b. Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động thuê lại theo quy định.

c. Phối hợp với doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong việc điều tra tai nạn lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K2, Đ65, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 85:** Luật an toàn, vệ sinh lao động quy định người sử dụng lao động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động căn cứ vào nội dung nào?

*a. Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn, vệ sinh lao động; Điều kiện thực tế lao động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.*

b. Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về quản lý chất lượng; Điều kiện lao động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

c. Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương về quản lý chất lượng đo lường.

d. Điều kiện môi trường xung quanh của doanh nghiệp.

**Đáp án: a (Đ15, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 86:** Theo anh, chịkhi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện phápbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải làm gì?

a. Lấy ý kiến của đối tác.

*b. Lấy ý kiến của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở.*

c. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: b (Điểm g, K2, Đ7, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 87:** Theo anh, chịđểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải bảo đảm gì?

a. Bảo đảm nơi làm việc phải đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, khí độc, phóng xạ, điện từ trường, nóng, ẩm, ồn, rung, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại khác được quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật liên quan và định kỳ kiểm tra, đo lường các yếu tố đó.

b. Bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

c. Bảo đảm máy, thiết bị, vật tư, chất được sử dụng, vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động, hoặc đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn, vệ sinh lao động đã được công bố, áp dụng và theo nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K1,2, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 88:** Theo anh, chịđểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải trang bị, cấp phát cho người lao động những gì?

a. Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố nguy hiểm.

b. Trang cấp đầy đủ cho người lao động các phương tiện bảo vệ cá nhân khi thực hiện công việc có yếu tố có hại.

c. Trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K3, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 89:** Hằng năm hoặc khi cần thiết người sử dụng lao động phải làm gì đểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

a. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

b. Tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

*c. Tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về công nghệ, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.*

**Đáp án: c (K4, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 90:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải định kỳ làm gì đểbảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc?

a. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị.

*b. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất, nhà xưởng, kho tàng.*

c. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị, vật tư, chất.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: b (K5, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 91:** Đối với máy, thiết bị, vật tư và chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, nơi lưu giữ, bảo quản, sử dụng thì người sử dụng lao động phải có hướng dẫn gì để đảm bảo an toàn?

*a. Phải có biển cảnh báo, bảng chỉ dẫn bằng tiếng Việt và ngôn ngữ phổ biến của người lao động và đặt ở vị trí dễ đọc, dễ thấy.*

b. Biện pháp thi công.

c. Biện pháp an toàn.

**Đáp án: a (K6, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 92:** Người sử dụng lao động phải tuyên truyền, phổ biến hoặc huấn luyện cho người lao động quy định, nội quy, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động, biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc có liên quan đến vấn đề gì?

a. Công tác an toàn, vệ sinh lao động.

*b. Công việc, nhiệm vụ được giao.*

c. Quy định, nội quy, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động.

d. Biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

**Đáp án: b (K7, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 93:** Người sử dụng lao động phải xây dựng, ban hành kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp tại nơi làm việc; tổ chức xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp, lực lượng ứng cứu và báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ hoặc khi xảy ra vấn đề gì tại nơi làm việc?

a. Khi xảy ra sự cố sản phẩm.

b. Khi xảy ra sự cố môi trường xung quanh.

*c. Khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của người sử dụng lao động.*

**Đáp án: c (K8, Đ16, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 94:** Trách nhiệm của người lao động trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc gồm các nội dung gì?

a. Chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

b. Tuân thủ pháp luật và nắm vững kiến thức, kỹ năng về các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp, các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc trong quá trình thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao.

c. Phải tham gia huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động trước khi sử dụng các máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất an toàn, vệ sinh lao động, hành vi vi phạm quy định an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

d. Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi biết tai nạn lao động, sự cố hoặc phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia ứng cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*đ. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: đ (Đ17, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 95:** Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định yếu tố nguy hiểm là gì?

*a. Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.*

b. Là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

c. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K4, Đ3, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 96:** Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định yếu tố có hại là gì?

a. Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

*b. Là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.*

c. Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương cho con người trong quá trình lao động.

**Đáp án: b (K5, Đ3, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 97:** Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định quan trắc môi trường lao động là gì?

a. Là hoạt động thu thập số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có các biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

b. Là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường xung quanh.

c. Là hoạt động phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có các biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

*d. Là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có các biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp.*

**Đáp án: d (K10, Đ3, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 98:** Đểkiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc người sử dụng lao động phải làm gì?

a. Tổ chức đánh giá, kiểm soát chất lượng sản phẩm tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

*b. Tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; Thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng.*

c. Có biện pháp khắc phục, kiểm soát nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

d. Cả 3 đáp án trên.

**Đáp án: b (K1, Đ18, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 99:** Người sử dụng lao động phải kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc bảo đảm nguyên tắc nào?

a. Theo dõi các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

b. Thường xuyên giám sát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

*c. Thường xuyên**theo dõi, giám sát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.*

d. Thường xuyên theo dõi, giám sát các yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc.

**Đáp án: c (K1, Đ3, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 100:** Người sử dụng lao động phải bố trí người hoặc bộ phận được phân công chịu trách nhiệm về kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải quy định việc kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đến đâu?

*a. Từng tổ, đội, phân xưởng.*

b. Doanh nghiệp.

c. Cơ quan quản lý.

**Đáp án: a (K2, Đ3, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 101:** Ngay sau khi có kết quả quan trắc môi trường lao động để đánh giá yếu tố có hại và kết quả kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải làm gì?

a. Thông báo công khai cho người lao động tại nơi quan trắc môi trường lao động và nơi được kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm.

b. Cung cấp thông tin khi tổ chức công đoàn, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

c. Có biện pháp khắc phục, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K4, Đ18, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 102:** Theo anh, chị để kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc NSDLĐ phải triển khai các nội dung gì?

a. Nhận diện và đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

b. Xác định Mục tiêu và các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

c. Triển khai và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (Đ4, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 103:** Theo anh,chị cơ sở nhận diện và đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc phải dựa trên các nội dung gì?

*a. Phân tích đặc điểm, điều kiện lao động, quy trình làm việc có liên quan và kết quả kiểm tra nơi làm việc; Khảo sát người lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.*

b. Khảo sát người sử dụng lao động về những yếu tố có thể gây tổn thương, bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe của họ tại nơi làm việc.

c. Phân tích quy trình công nghệ có liên quan tại nơi làm việc.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K1,2, Đ5, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 104:** Nghị định 39/2016/NĐ-CP quy định trường hợp không nhận diện và đánh giá được đầy đủ, chính xác bằng cảm quan các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc thì phải làm gì?

a. Phải sử dụng máy, thiết bị phù hợp để đo, kiểm các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; Lập hồ sơ vệ sinh lao động.

*b. Phải sử dụng máy, thiết bị phù hợp để đo, kiểm các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; Lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động đối với các yếu tố có hại, phòng chống bệnh nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP.*

c. Phải lập hồ sơ vệ sinh môi trường lao động đối với các yếu tố có hại, phòng chống bệnh nghề nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 39/2016/NĐ-CP.

**Đáp án: b (K3, Đ5, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 105:** Căn cứ vào việc nhận diện, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, người sử dụng lao động xác định Mục tiêu và các biện pháp phù hợp để phòng, chống tác hại của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, theo thứ tự ưu tiên nào?

*a. Loại trừ các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại ngay từ khâu thiết kế nhà xưởng, lựa chọn công nghệ, thiết bị, nguyên vật liệu; Ngăn chặn, hạn chế sự tiếp xúc, giảm thiểu tác hại của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại bằng việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật và áp dụng các biện pháp tổ chức, hành chính.*

b. Loại trừ sự tiếp xúc, giảm thiểu tác hại của các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại bằng việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật và áp dụng các biện pháp tổ chức, hành chính.

c. Giảm thiểu các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại ngay từ khâu thiết kế nhà xưởng, lựa chọn công nghệ, thiết bị, nguyên vật liệu.

**Đáp án: a (K1, Đ6, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 106:** Để triển khai và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại thì người sử dụng lao động hướng dẫn biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc cho ai?

*a. Người lao động.*

b. Cán bộ quản lý.

c. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K1, Đ7, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 107:** Để triển khai và đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, người sử dụng lao động phải lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại ít nhất bao lâu?

*a. 01 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.*

b. 02 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

c. 03 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

d. 04 lần/năm; đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, phải được kiểm tra, đánh giá đến cấp tổ, đội, phân xưởng.

**Đáp án: a (K2, Đ7, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 108:** Việc kiểm tra biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc gồm các nội dung nào sau đây?

a. Tình trạng an toàn, vệ sinh lao động của máy, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng và nơi làm việc; Kiến thức và khả năng của người lao động trong xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp.

b. Việc sử dụng, bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân; phương tiện phòng cháy, chữa cháy; các loại thuốc thiết yếu, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại chỗ; thực hiện chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động.

c. Việc quản lý, sử dụng máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra an toàn, vệ sinh lao động, Điều tra tai nạn lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K3, Đ7, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 109:** Việc đánh giá hiệu quả biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc gồm các nội dung nào sau đây?

*a. Việc tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; Kết quả cải thiện điều kiện lao động.*

b. Việc xây dựng các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tai nơi làm việc.

c. Kết quả quan trắc môi trường lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K4, Đ7, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 110:** Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định người sử dụng lao động phải có phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp và định kỳ làm gì?

*a. Tổ chức diễn tập theo quy định của pháp luật.*

b. Ban hành quy định về phương án xử lý.

c. Tổ chức thực hành theo quy định.

d. Tổ chức đánh giá.

**Đáp án: a (K1, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 111:** Phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng phải được phê duyệt hoặc gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định kỳ tổ chức diễn tập phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng theo quy định nào?

a. Của nhà đầu tư.

*b. Của pháp luật chuyên ngành.*

c. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: b (K2, Đ8, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 112:** Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định người sử dụng lao động phải trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để bảo đảm ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra gì?

*a. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động.*

b. Sự cố khủng hoảng tài chính doanh nghiệp.

c. Sự cố cháy nổ.

**Đáp án: a (K1, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 113:** Phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật An toàn, vệ sinh lao động gồm các nội dung nào?

a. Lực lượng tham gia xử lý sự cố tại chỗ và nhiệm vụ của từng thành viên tham gia; lực lượng hỗ trợ từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh lân cận; Cách thức, trình tự xử lý sự cố.

b. Phương tiện kỹ thuật phải có theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c. Thiết bị đo lường cần thiết dùng trong quá trình xử lý sự cố (theo quy định hiện hành của pháp luật về đo lường).

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K1, Đ8, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 114:** Khi hoạt động của máy, thiết bị, việc sử dụng vật tư, chất, hoạt động lao động tại nơi làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng người sử dụng lao động phải làm gì?

*a. Ra lệnh ngừng ngay hoạt động.*

b. Tiếp tục hoạt động.

c. Hoạt động trong một số trường hợp.

**Đáp án: a (Điểm a, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 115:** Người sử dụng lao động không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc nếu các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động chưa...?

a. Được khắc phục một phần.

*b. Được khắc phục.*

c. Chuẩn bị có sự cố xảy ra.

**Đáp án: b (Điểm a, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 116:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải thực hiện các biện pháp khắc phục, các biện pháp theo phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp để làm gì?

a. Tổ chức cứu tài sản và môi trường xung quanh.

*b. Tổ chức cứu người, tài sản, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động, người xung quanh nơi làm việc, tài sản và môi trường.*

c. Đẩy mạnh sản xuất.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: b (Điểm a, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 117:** Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp người sử dụng lao động phải thông báo cho ai?

a. Thông báo cho Công an huyện.

b. Thông báo cho khách hàng.

*c. Kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố hoặc ứng cứu khẩn cấp.*

d. Kịp thời thông báo cho người lao động.

**Đáp án: c (Điểm a, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 118:** Khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng làm chết người hoặc làm bị thương nặng từ 02 người trở lên mà nạn nhân không phải là người lao động thuộc quyền quản lý hoặc có người lao động bị nạn nhưng chưa rõ thương vong thì người sử dụng lao động của cơ sở để xảy ra sự cố phải làm gì?

*a. Khai báo bằng cách nhanh nhất với thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi xảy ra sự cố, Khai báo bằng cách nhanh nhất với Công an cấp huyện nếu nạn nhân bị chết.*

b. Khai báo cho Phòng Lao động - Thương binh vã Xã hội.

c. Khai báo bằng cách nhanh nhất cho Phòng Lao động - Thương binh vã Xã hội và Công an cấp xã.

**Đáp án: a (K1, Đ26, NĐ39/2016/NĐ-CP)**

**Câu 119:** Trách nhiệm huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để kịp thời ứng phó sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương thuộc về ai?

*a. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng xảy ra ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương nào thì người sử dụng lao động, địa phương đó có trách nhiệm huy động.*

b. Người sử dụng lao động.

c. Người lao động.

**Đáp án: a (Điểm b, K2, Đ19, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 120:** Luật ATVSLĐ năm 2015 quy định người sử dụng lao động phải thường xuyên phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở để tổ chức cho người lao động tham gia hoạt động gì?

*a. Tham gia cải thiện điều kiện lao động, xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.*

b. Tham gia cải thiện điều kiện kinh doanh.

c. Tham gia huấn luyện an toàn lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K1, Đ20, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 121:** Luật ATVSLĐ năm 2015 khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm mục đích gì?

a. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

*b. Cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động.*

c. Nâng cao năng lực cạnh tranh.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: b (K2, Đ20, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 122:** Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định quan trắc môi trường lao động là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp gì?

*a. Để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng, chống bệnh nghề nghiệp.*

b. Để có biện pháp thay thế.

c. Để có biện pháp loại trừ.

**Đáp án: a (K10, Đ3, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 123:** Nghị định 44/2016/NĐ-CP quy định quan trắc môi trường lao động phải thực hiện quan trắc đầy đủ yếu tố có hại được liệt kê trong Hồ sơ vệ sinh lao động do cơ sở lao động lập. Đối với nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm, khi quan trắc môi trường lao động phải thực hiện đánh giá các yếu tố nào?

a. Đánh giá yếu tố nguy hiểm.

b. Đánh giá yếu tố có hại theo quy định tại Nghị định này.

*c. Đánh giá gánh nặng lao động và một số chỉ tiêu tâm sinh lý lao động Ec-gô-nô-my quy định tại Khoản 3 Điều 33 Nghị định này.*

**Đáp án: c (K1, Đ5, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 124:** Nghị định 44/2016/NĐ-CP quy định quan trắc môi trường lao động phải bảo đảm các nội dung nào?

a. Thực hiện trong thời gian cơ sở lao động đang tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b. Lấy mẫu theo phương pháp lấy mẫu cá nhân và vị trí lấy mẫu được đặt tại vùng có khả năng ảnh hưởng đến người lao động.

c. Đối với quan trắc môi trường lao động bằng phương pháp phát hiện nhanh khi kết quả có nghi ngờ, tổ chức quan trắc môi trường lao động lấy mẫu, phân tích bằng phương pháp phù hợp tại phòng xét nghiệm đủ tiêu chuẩn.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K1, Đ5, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 125:** Đối với yếu tố có hại được Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tiếp xúc cho phép để kiểm soát tác hại đối với sức khỏe người lao động thì người sử dụng lao động phải tổ chức quan trắc môi trường lao động để đánh giá yếu tố có hại ít nhất bao lâu?

*a. Một lần trong một năm.*

b. Hai lần trong một năm.

c. Ba lần trong một năm.

**Đáp án: a (K2, Đ18, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 126:** Người sử dụng lao động phải thường xuyên kiểm soát, quản lý đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động tại nơi làm việc và bao nhiêu lâu phải tổ chức đánh giá, kiểm tra?

*a. Ít nhất một lần trong một năm phải tổ chức kiểm tra, đánh giá yếu tố này.*

b. Ít nhất hai lần trong một năm phải tổ chức kiểm tra, đánh giá yếu tố này.

a. Ít nhất ba lần trong một năm phải tổ chức kiểm tra, đánh giá yếu tố này.

**Đáp án: a (K3, Đ18, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 127:**  Ngay sau khi có kết quả quan trắc môi trường lao động để đánh giá yếu tố có hại và kết quả kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải làm gì?

a. Thông báo công khai cho người lao động tại nơi quan trắc môi trường lao động và nơi được kiểm tra, đánh giá, quản lý yếu tố nguy hiểm.

b. Cung cấp thông tin khi tổ chức công đoàn, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

c. Có biện pháp khắc phục, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc nhằm bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K4, Đ18, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 128:** Trường hợp kết quả quan trắc môi trường lao động không bảo đảm, cơ sở lao động thực hiện các giải pháp nào?

a. Triển khai biện pháp cải thiện điều kiện lao động, giảm thiểu yếu tố có hại và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

b. Tổ chức khám sức khỏe phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp và bệnh liên quan đến nghề nghiệp cho người lao động ở các vị trí có môi trường lao động không đảm bảo.

c. Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K4, Đ37, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 129:** Theo Luật ATVSLĐ sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng là sự cố như thế nào?

*a. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức, địa phương hoặc liên quan đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, địa phương.*

b. Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, tổ chức, địa phương.

c. Hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động.

**Đáp án: a (K7, Đ3, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 130:** Luật ATVSLĐ quy định hằng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất mấy lần cho người lao động?

*a. Một lần.*

b. Hai lần.

c. Ba lần.

**Đáp án: a (K1, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 131:** Luật ATVSLĐ quy định, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi ít nhất bao nhiêu tháng một lần?

a. 3 tháng một lần.

*b. 6 tháng một lần.*

c. 12 tháng một lần.

**Đáp án: b (K1, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 132:** Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật ATVSLĐ, lao động nữ phải được khám nội dung gì?

a. Phải được khám theo yêu cầu của bác sĩ.

*b. Phải được khám chuyên khoa phụ sản.*

c. Phải được khám theo nguyện vọng cá nhân.

**Đáp án: b (K2, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 133:** Khi khám sức khỏe theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật ATVSLĐ, người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp có được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp hay không?

a. Không được khám.

*b. Phải được khám.*

c. Tùy theo từng điều kiện làm việc.

**Đáp án: b (K2, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 134:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động trong những trường hợp nào?

a. Trước khi bố trí làm việc và trước khi chuyển sang làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hơn.

b. Sau khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã phục hồi sức khỏe, tiếp tục trở lại làm việc, trừ trường hợp đã được Hội đồng y khoa khám giám định mức suy giảm khả năng lao động.

*c. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: c (K3, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 135:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như thế nào?

a. Phòng khám tư nhân.

b. Cơ sở khám, chữa bệnh.

*c. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm yêu cầu, điều kiện chuyên môn kỹ thuật.*

d. Trung tâm nghiên cứu.

**Đáp án: c (K4, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 136:** Luật ATVSLĐ quy định người sử dụng lao động phải đưa người lao động được chẩn đoán mắc bệnh nghề nghiệp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh như thế nào để điều trị?

*a. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện chuyên môn kỹ thuật để điều trị theo phác đồ điều trị bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.*

b. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bình thường để điều trị theo phác đồ điều trị bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

c. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K5, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 137:** Chi phí cho hoạt động khám sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động do người sử dụng lao động chi trả quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 21 Luật ATVSLĐ được hạch toán vào chi phí gì?

a. Chi phí đầu tư.

*b. Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hạch toán vào chi phí hoạt động thường xuyên đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp không có hoạt động dịch vụ.*

c. Chi phí hoạt động không thường xuyên.

**Đáp án: b (K6, Đ21, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 138:** Thông tư 19/2016/TT-BYT quy định nội dung quản lý vệ sinh lao động tại cơ sở lao động bao gồm những nội dung nào?

a. Lập và cập nhật hồ sơ vệ sinh lao động của cơ sở lao động; Khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm, khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và khám định kỳ bệnh nghề nghiệp.

b. Quan trắc môi trường lao động; Kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những ảnh hưởng của yếu tố có hại trong môi trường lao động đối với sức khỏe.

c. Vệ sinh phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, nâng cao  sức khỏe tại nơi làm việc.

d. Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về công trình vệ sinh, phúc lợi tại nơi làm việc quy định) tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 19/2016/TT-BYT; Tổ chức lực lượng sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động tại nơi làm việc và bảo đảm trang thiết bị sơ cứu, cấp cứu.

*đ. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: đ (K1, Đ1, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 139:** Hằng năm, cơ sở lao động sản xuất kinh doanh phải xây dựng nội dung quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động trong kế hoạch nào?

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

*b. Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở.*

c. Kế hoạch đầu tư tài chính.

d. Kế hoạch thay đổi dây truyền công nghệ.

**Đáp án: b (K2, Đ1, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 140:** Việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động phải được thực hiện từ thời điểm nào?

a. Từ thời điểm nhận hồ sơ tuyển dụng.

*b. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc tại cơ sở lao động.*

c. Từ thời điểm người lao động được tuyển dụng.

**Đáp án: b (K1, Đ2, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 141:** NSDLĐ phải bố trí, sắp xếp vị trí việc làm phải phù hợp với tình hình sức khỏe của người lao động, không bố trí người bị bệnh nghề nghiệp vào làm việc tại các vị trí lao động có tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp đó khi nào?

*a. Khi chưa kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố có hại này.*

b. Khi chưa kiểm soát hoàn toàn.

c. Khi đã kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc với các yếu tố này.

**Đáp án: a (Điểm a, K2, Đ2, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 142:** Thông tư 19/2016/TT-BYT quy định đối tượng phải tham gia huấn luyện sơ cứu, cấp cứu gồm những ai?

a. Người làm công tác an toàn lao động.

*b. Người lao động, trừ trường hợp đã có Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; Người được phân công tham gia lực lượng sơ cứu, cấp cứu.*

c. Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: b (K1, Đ9, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 143:** Thông tư 19/2016/TT-BYT quy định người sử dụng lao động phải lập, quản lý, bổ sung những loại hồ sơ, giấy tờ gì liên quan đến sức khỏe của người lao động?

a. Hồ sơ vệ sinh lao động, hồ sơ sức khỏe cá nhân của người lao động.

b. Hồ sơ quản lý tình hình sức khỏe người lao động tại cơ sở lao động, hồ sơ cá nhân bệnh nghề nghiệp (nếu có), hồ sơ sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động (nếu có).

c. Theo dõi sức khỏe và diễn biến bệnh nghề nghiệp của người lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K1, Đ14, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 144:** Thông tư 19/2016/TT-BYT hướng dẫn người sử dụng lao động phải bảo đảm cung cấp đủ các công trình vệ sinh, phúc lợi để sử dụng tại nơi làm việc gồm các cơ sở vệ sinh nào?

*a. Hố tiêu, hố tiểu, buồng tắm, buồng vệ sinh kinh nguyệt, vòi nước rửa tay, nơi để quần áo, nước uống.*

b. Buồng ngủ theo khu làm việc.

c. Buồng hút thuốc.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K3, Đ14 và Phụ lục 1, TT19/2016/TT-BYT)**

**Câu 145:** Người lao động khi làm việc chỉ cần tiếp xúc với một trong những yếu tố nguy hiểm, độc hại nào dưới đây thì được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCN)?

a. Tiếp xúc với yếu tố vật lý xấu; Tiếp xúc với bụi và hóa chất độc hại; Tiếp xúc với yếu tố sinh học độc hại, môi trường vệ sinh lao động xấu: Vi rút, vi khuẩn độc hại gây bệnh, côn trùng có hại; Phân, nước, rác, cống rãnh hôi thối; Các yếu tố sinh học độc hại khác.

b. Làm việc với máy, thiết bị, công cụ lao động, làm việc ở vị trí mà tư thế lao động nguy hiểm dễ gây ra tai nạn lao động.

c. Làm việc trên cao; làm việc trong hầm lò, nơi thiếu dưỡng khí; làm việc trên sông nước, trong rừng hoặc điều kiện lao động nguy hiểm, độc hại khác.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (Đ4, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 146:** Người sử dụng lao động khi thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động phải bảo đảm các nguyên tắc nào sau đây?

a. Đúng chủng loại, đúng đối tượng, đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

b. Không phát tiền thay cho việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân; không buộc người lao động tự mua hoặc thu tiền của người lao động để mua phương tiện bảo vệ cá nhân.

c. Hướng dẫn, giám sát người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện biện pháp khử độc, khử trùng, tẩy xạ bảo đảm vệ sinh đối với phương tiện bảo vệ cá nhân đã qua sử dụng ở những nơi dễ gây nhiễm độc, nhiễm trùng, nhiễm xạ.

*đ. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: đ (K3, Đ23, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 147:** Thông tư 04/2014/TT-BLĐTB&XH hướng dẫn người sử dụng lao động căn cứ vào mức độ yêu cầu của từng nghề hoặc công việc cụ thể tại cơ sở của mình, tham khảo ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc người đại diện tập thể người lao động để quyết định gì?

*a. Để quyết định thời hạn sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân cho phù hợp với tính chất công việc và chất lượng của phương tiện bảo vệ cá nhân.*

b. Để quyết định cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân.

c. Để quyết định mua sắm trang thiết bị.

d. Để trang bị dây truyền công nghệ.

đ. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K3, Đ5, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 148:** Người sử dụng lao động có được phép cấp phát tiền thay cho việc cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động hoặc giao tiền cho người lao động tự đi mua?

*a. Nghiêm cấm.*

b. Được phép.

c. Tùy từng trường hợp.

**Đáp án: a (K7, Đ5, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 149:** Căn cứ vào quy định về trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân được ban hành tại Thông tư 04/2014/TT-BLĐTB&XH và thời hạn sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đã được quyết định, hàng năm, người sử dụng lao động tham khảo ý kiến của ai để lập kế hoạch mua sắm?

a. Ý kiến cơ quan quản lý nhà nước.

b. Ý kiến của khách hàng.

*c. Ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở hoặc người đại diện của người lao động để lập kế hoạch mua sắm (bao gồm cả dự phòng).*

d. Ý kiến của đại diện người sử dụng lao động.

**Đáp án: c (K1, Đ8, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 150:** Người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động bồi dưỡng bằng hiện vật, việc bồi dưỡng bằng hiện vật theo nguyên tắc nào?

a. Giúp tăng cường sức đề kháng và thải độc của cơ thể.

b. Bảo đảm thuận tiện, an toàn, vệ sinh thực phẩm.

c. Thực hiện trong ca, ngày làm việc, trừ trường hợp đặc biệt do tổ chức lao động không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K1,2, Đ24, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 151:** Theo quy định người lao động được hưởng chế  độ bồi dưỡng bằng hiện vật khi có đủ các điều kiện nào?

*a. Làm các nghề, công việc thuộc danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ LĐTB&XH ban hành; Đang làm việc trong môi trường lao động có ít nhất một trong các yếu tố nguy hiểm, độc hại không đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của Bộ Y tế hoặc trực tiếp tiếp xúc với các nguồn gây bệnh truyền nhiễm.*

a. Làm các nghề, công việc thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

c. Đang làm việc trong môi trường lao động có các yếu tố nguy hiểm, độc hại.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K1, Đ2, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 152:** Theo quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật được tính theo định suất hàng ngày và có giá trị bằng tiền tương ứng theo các mức nào?

a. Mức 1: 5.000 đồng; Mức 2: 10.000 đồng; Mức 3: 15.000 đồng; Mức 4: 20.000 đồng.

*b. Mức 1: 10.000 đồng; Mức 2: 15.000 đồng; Mức 3: 20.000 đồng; Mức 4: 25.000 đồng.*

c. Mức 1: 15.000 đồng; Mức 2: 20.000 đồng; Mức 3: 25.000 đồng; Mức 4: 30.000 đồng.

d. Mức 1: 20.000 đồng; Mức 2: 25.000 đồng; Mức 3: 30.000 đồng; Mức 4: 35.000 đồng.

**Đáp án: b (Điểm a, K2, Đ2, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 153:** Thông tư 04/2014/TT-BLĐ-TB-XH&XH hướng dẫn việc bồi dưỡng bằng hiện vật cụ thể theo điều kiện lao động và chỉ tiêu môi trường lao động được quy định tại Phụ lục nào ?

*a. Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.*

b. Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

c. Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

d. Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Đáp án: a (Điểm b, K2, Đ2, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 154:** Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH hướng dẫn nguyên tắc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cụ thể như nào?

a. Việc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật phải thực hiện trong ca hoặc ngày làm việc, bảo đảm thuận tiện và vệ sinh.

b. Không được trả bằng tiền, không được trả vào lương (gồm cả đưa vào đơn giá tiền lương) thay cho hiện vật bồi dưỡng.

c. Trường hợp do tổ chức lao động không ổn định, không thể tổ chức bồi dưỡng tập trung tại chỗ được (ví dụ: làm việc lưu động, phân tán, ít người), người sử dụng lao động phải cấp hiện vật cho người lao động để người lao động có trách nhiệm tự bồi dưỡng theo quy định. Trong trường hợp này, người sử dụng lao động phải lập danh sách cấp phát, có ký nhận của người lao động; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện bồi dưỡng của người lao động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (Điểm b, K2, Đ2, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 155:** Thông tư 04/2014/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện phương tiện bảo vệ cá nhân là những gì?

*a. Là những dụng cụ, phương tiện cần thiết mà người lao động phải được trang bị để sử dụng trong khi làm việc hoặc thực hiện nhiệm vụ để bảo vệ cơ thể khỏi tác động của các yếu tố nguy hiểm, độc hại phát sinh trong quá trình lao động, khi các giải pháp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc chưa thể loại trừ hết.*

b. Là các giải pháp công nghệ, thiết bị, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

c. Là các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

**Đáp án: a (K1, Đ3, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 156:** Thông tư 04/2014/TT-BLĐTB&XH hướng dẫn thực hiện phương tiện bảo vệ cá nhân gồm những phương tiện gì?

a. Phương tiện bảo vệ đầu; Phương tiện bảo vệ mắt, mặt; Phương tiện bảo vệ thính giác; Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp.

b. Phương tiện bảo vệ tay, chân; Phương tiện bảo vệ thân thể; Phương tiện chống ngã cao.

c. Phương tiện chống điện giật, điện từ trường; Phương tiện chống chết đuối; Các loại phương tiện bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động khác.

*d. Tất cả các đáp án trên*

**Đáp án: d (K2, Đ3, TT04/2014/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 157:**  Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là?

a. Máy, thiết bị, vật tư, chất có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

b. Lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.

*c. Máy, thiết bị, vật tư, chất trong điều kiện lưu giữ, vận chuyển, bảo quản, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và đúng theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhưng trong quá trình lao động, sản xuất vẫn tiềm ẩn khả năng xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây hậu quả nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng con người.*

d. Là máy, thiết bị, vật tư, chất hay xảy ra tai nạn lao động.

**Đáp án: c (K1, Đ28, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 158:** Luật an toàn, vệ sinh lao động năm 2015 quy định người sử dụng lao động lập phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động phải có các nội dung nào?

a. Địa điểm, quy mô công trình, cơ sở; Liệt kê, mô tả chi tiết các hạng mục trong công trình, cơ sở.

b. Các biện pháp cụ thể nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, ứng cứu khẩn cấp.

c. Nêu rõ những yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, sự cố có thể phát sinh trong quá trình hoạt động.

*d. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: d (K2, Đ29, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 159:** Luật ATVSLĐ quy định nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được phân loại căn cứ vào đâu?

*a. Căn cứ vào đặc điểm, điều kiện lao động đặc trưng của mỗi nghề, công việc.*

b. Căn cứ vào môi trường lao động.

c. Căn cứ vào điều kiện lao động.

d. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K1, Đ22, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 160:** Theo anh, chị, hiện nay quy định của pháp luật về Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm do Bộ LĐ-TB&XH ban hành thuộc các điều kiện lao động loại nào?

a. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại III) và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại IV).

*b. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại IV) và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại V, VI).*

c. Nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại VI) và đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm (Điều kiện lao động loại VII).

**Đáp án: b (TT15/2016/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 161:** Đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật thì người sử dụng lao động phải thực hiện những chế độ gì?

*a. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động và chăm sóc sức khỏe.*

d. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ chi phí lao động.

c. Người sử dụng lao động thực hiện đầy đủ các chế độ về phúc lợi xã hội.

**Đáp án: a (K3, Đ22, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 162:** Người lao động làm công việc có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại được người sử dụng lao động trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và phải sử dụng như thế nào?

a. Phải sử dụng khi làm việc.

b. Phải sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ.

*c. Phải sử dụng trong quá trình làm việc.*

d. Phí sử dụng khi đi đường

đ. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: c (K1, Đ23, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 163:** Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH quy định Danh mục bao nhiêu loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động?

a. 44 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

*b. 45 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.*

c. 46 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

d. 47 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

**Đáp án: b (Phụ lục Danh mục kèm theo TT36/2019/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 164:** Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH quy định Danh mục bao nhiêu loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự?

a. 43 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

b. 44 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

*c. 45 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.*

d. 46 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự.

**Đáp án: c (Phụ lục Danh mục kèm theo TT 36/2019/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 165:** Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH quy định Danh mục bao nhiêu loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an?

a. 13 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

b. 14 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

*c. 15 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.*

d. 16 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an.

**Đáp án: c (Phụ lục Danh mục kèm theo TT36/2019/TT-BLĐTBXH)**

**Câu 166:** Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm định kỳ gì?

a. Định kỳ kiểm tra, thay thế.

b. Định kỳ đánh giá tác động.

*c. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.*

**Đáp án: c (K3, Đ30, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 167:** Việc sử dụng chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về gì?

a. Về hóa chất.

*b. Về hóa chất và pháp luật chuyên ngành.*

c. Về pháp luật chuyên ngành.

**Đáp án: b (K4, Đ30, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 168:** Luật ATVSLĐ năm 2015 quy định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và kiểm định định kỳ trong quá trình sử dụng bởi đơn vị nào?

*a. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.*

b. Tổ chức cấp giấy chứng nhận an toàn.

c. Tổ chức huấn luyện an toàn.

d. Cơ quan quản lý nhà nước.

**Đáp án: a (K1, Đ31, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 169:** Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, trong thời hạn sử dụng, bảo đảm chất lượng, phải được kiểm định theo quy định nào?

*a. Quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật ATVSLĐ, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.*

b. Quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.

c. Tất cả các đáp án trên.

**Đáp án: a (K1, Đ30, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 170:** Luật ATVSLĐ quy định khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân phải khai báo với những ai?

a. Khai báo cho chính quyền cấp xã.

b. Khai báo chính quyền cấp huyện.

c. Khai báo cho nhà sản xuất.

*d. Phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tại nơi sử dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật ATVSLĐ, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác.*

**Đáp án: d (K2, Đ30, Luật ATVSLĐ)**

**KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG**

**Câu 1:** An toàn lao động là gì?

*a. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.*

b. An toàn lao động là không xảy ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

c. An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.

**Đáp án: a** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 2:** Yếu tố nguy hiểm là gì?

*a. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.*

b. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có thể gây ra tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

c. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố gây ra cháy, nổ, mất an toàn lao động.

d. Yếu tố nguy hiểm là yếu tố có hại.

**Đáp án: a** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 3:** Thế nào là tai nạn lao động?

*a. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.*

b. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động có tỷ lệ thương tật từ 5 đến 10%.

c. Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho người lao động trong quá trình lao động sản xuất.

**Đáp án: a** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 4:** Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động là gì?

a. Là việc gây ra cháy, nổ, tai nạn lao động.

*b. Là hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động và gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản và môi trường.*

c. Là thiết bị lạc hậu trong quá trình sản xuất gây ra tai nạn lao động.

d. Cả a,b,c đều sai.

**Đáp án: b** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 5:** Vùng nguy hiểm là gì?

*a. Phạm vi, khu vực hoặc không gian nơi có mối nguy hiểm hoặc/và chịu tác động của mối nguy hiểm.*

b. Là nơi mà người lao động bị bệnh nghề nghiệp sau quá trình lao động.

c. Cả a và b.

**Đáp án: a**

*(Cục An toàn lao động, Bộ LĐTBXH - Viện FES Cộng hòa Liên bang Đức. Thuật ngữ về ATVSLĐ. Nhà Xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2005)*

**Câu 6:** Các yếu tố nguy hiểm gây tai nạn lao động trong sản xuất có thể phân thành mấy nhóm cơ bản?

a. 3 nhóm: hóa học, vật lý, cơ học

b. 4 nhóm: hóa học, cơ học, điện, vật lý

*c. 5 nhóm: cơ học, điện, hóa chất, nổ, nhiệt.*

**Đáp án: c** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. NXB Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 7:** Nêu một số yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động trong sản xuất?

a. Những hóa chất độc; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ vật lý; nổ hoá học; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; bức xạ và phóng xạ.

*b. Vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; các bộ phận truyền động và chuyển động; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ.*

c. Những vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; tiếng ồn và rung động; bức xạ và phóng xạ; những yếu tố vi khí hậu xấu.

d. Vật văng bắn; bức xạ và phóng xạ; vật rơi, đổ, sập; bụi, ồn, hóa chất, những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại.

**Đáp án: b** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. NXB Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 8:** Các nguyên nhân nào sau đây do tổ chức - kỹ thuật không tốt gây tai nạn lao động?

a. Tổ chức chỗ làm việc không hợp lý, chật hẹp, thao tác gò bó; mặt bằng sản xuất, đường đi lại, vận chuyển không an toàn.

b. Bố trí, sắp đặt máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu, thành phẩm sai nguyên tắc an toàn.

c. Không huấn luyện hoặc huấn luyện ATVSLĐ không đạt yêu cầu và không cung cấp hoặc cung cấp trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động không đúng chủng loại, không đảm bảo chất lượng.

*d. Tất cả các nguyên nhân trên.*

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 9:**Hệ thống tín hiệu, biển hiệu nhằm mục đích chính là gì?

1. Đảm bảo khoảng cách an toàn.
2. Không cho yếu tố nguy hiểm tác động lên NLĐ.
3. *Báo trước cho người lao động sự cố có thể xảy ra và đưa ra hướng dẫn, quy định.*
4. Không cho tai nạn xảy ra.

**Đáp án: c** *([Giáo trình tâm sinh lý lao động Ecgonomi)](http://nioeh.org.vn/tam-sinh-ly-lao-dong-ecgonomi/mot-so-bien-phap-cai-thien-dieu-kien-lao-dong)*

**Câu 10:** Các loạitín hiệu, báo hiệu nào sau đây được áp dụng để phòng ngừa tai nạn lao động?

a. Ánh sáng, màu sắc, mầu sơn, hình vẽ, bảng chữ.

b. Âm thanh.

c. Đồng hồ, dụng cụ đo lường.

*d. Tất cả các loại thiết bị tín hiệu, báo hiệu trên.*

**Đáp án: d** *([Giáo trình tâm sinh lý lao động Ecgonomi)](http://nioeh.org.vn/tam-sinh-ly-lao-dong-ecgonomi/mot-so-bien-phap-cai-thien-dieu-kien-lao-dong)*

**Câu 11:** Theo QCVN 09:2012/BLĐTBXH thời gian kiểm tra định kỳ cho các dụng cụ điện cầm tay là?

a. 3 tháng/một lần

*b. 6 tháng/một lần*

c. 12 tháng/một lần

d. 24 tháng/một lần

**Đáp án: b**

**Câu 12:**Đối với thiết bị điện có trung tính cách ly, trị số điện trở nối đất của thiết bị điện không được lớn hơn?

a.1Ω

b. 2Ω

*c. 4Ω*

d. 10Ω

**Đáp án: c**

*(TCVN 4756:1989 về quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện)*

**Câu 13:** Dây nối đất hoặc nối “không” bảo vệ vào vỏ thiết bị phải thực hiện bằng biện pháp hàn hoặc bắt bằng ốc vít?

*a. Đúng*

b. Sai

c. Tùy từng trường hợp

**Đáp án: a**

*(TCVN 4756:1989 về quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện)*

**Câu 14:**Khi tai nạn điện xảy ra, để cấp cứu người bị nạn cần thực hiện theo các bước sau:

*a. Tách nạn nhân khỏi nguồn điện, tiến hành sơ cứu và đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.*

b. Tách nạn nhân khỏi nguồn điện và chở đến bệnh viện.

c. Giữ nguyên hiện trường và báo cáo cơ quan chức năng.

d. Báo cáo với người phụ trách và bộ phận y tế.

**Đáp án: a** *(TLĐLĐVN. Sổ tay An toàn vệ sinh viên. Hà Nội 2018)*

**Câu 15:** Nguyên tắc cấp cứu bỏng do nhiệt, do hóa chất?

*a. Bỏng nhiệt thì cần làm mát vết thương. Bỏng hóa chất cần rửa nước nhiều lần để loại bỏ hóa chất. Nếu vết bỏng bị rộp, trầy da thì phải rửa bằng nước sạch, đề phòng nhiễm trùng.*

b. Theo kinh nghiệm dân gian: Bôi lên vùng da bị bỏng nước mắm hoặc kem đánh răng để giảm đau và chuyển nạn nhân về bệnh viện.

c. Dùng kim sạch chọc các nốt phỏng lớn, sau đó dùng gạc sạch băng nhẹ lên vùng bị bỏng và chuyển nạn nhân về bệnh viện.

**Đáp án: a** *(TLĐLĐVN. Sổ tay An toàn vệ sinh viên. Hà Nội 2018)*

**Câu 16:** Để chống bị điện giật khi chạm vào các bộ phận mang điện cần phải:

a. Bọc cách điện và che chắn.

b. Giữ khoảng cách an toàn.

c. Nối trung tính.

*d. Cả a và b.*

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 17:** Thiết bị che chắn an toàn nhằm mục đích chính là:

a. Ngăn ngừa sự cố của thiết bị.

*b. Ngăn ngừa được tác động của các yếu tố nguy hiểm tác động lên người lao động.*

c. Báo trước cho người lao động sự cố có thể xảy ra.

d. Cả a và c.

**Đáp án: b** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 18:** Mục đích của thiết bị và cơ cấu phòng ngừa là gì?

a.Tự động loại trừ nguy cơ sự cố hoặc tai nạn một khi đối tượng phòng ngừa vượt quá giới hạn quy định.

*b. Tự động ngắt chuyển động, hoạt động của máy và thiết bị khi một thông số kỹ thuật nào đó vượt quá giới hạn quy định cho phép.*

c. Ngăn chặn tác động xấu do sự cố của quá trình sản xuất gây ra; ngăn chặn, hạn chế sự cố sản xuất.

d. Báo hiệu yếu tố nguy hiểm, có hại, hướng dẫn thao tác máy, thiết bị.

**Đáp án: b** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 19:** Làm việc ở trên cao, nơi có khả năng xảy ra nguy hiểm ngã cao cần phải:

a. Đội mũ bảo hộ lao động đúng quy định.

b. Không được hút thuốc lá.

c. Đeo dây an toàn đúng quy định.

*d. Cả a, b, c*

**Đáp án: d** *(Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong Xây dựng)*

**Câu 20:** Phải trang bị dây an toàn cho công nhân hoặc lưới bảo vệ nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn khi công nhân làm việc từ độ cao từ bao nhiêu mét trở lên?

*a. 2 m*

b. 3 m

c. 4 m

d. 5 m

**Đáp án: a** *(Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong Xây dựng)*

**Câu 21:** Thang tựa phải đặt có độ nghiêng so với mặt đất bao nhiêu độ?

a. Trên 30 độ.

*b. Khoảng 45-60 độ.*

b. Khoảng 50 - 80 độ

c. Khoảng 50 - 85 độ.

**Đáp án: b** *(Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong Xây dựng)*

**Câu 22:** Nguyên tắc an toàn đối với thiết bị cầm tay?

a. Bảo quản và bảo dưỡng thiết bị tốt.

b. Sử dụng công cụ phù hợp với công việc; sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân đúng cách và phù hợp.

c. Kiểm tra thiết bị trước khi sử dụng; vận hành thiết bị theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

*d. Cả a, b, c*

**Đáp án: d**

*(Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7996-1:2009 (IEC 60745-1:2006) về Dụng cụ điện cầm tay truyền động bằng động cơ - An toàn*

*Thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05/9/2014 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong Xây dựng)*

**Câu 23:** Tách người bị điện giật ra khỏi mạch điện hạ áp, người cứu phải thực hiện?

a. Có thể dùng kìm cách điện; búa, rìu cán gỗ... để chặt đứt dây điện

b. Có thể dùng gậy khô (tre, gỗ...) để gạt dây điện hoặc đẩy nạn nhân ra

*c. Cả a và b.*

**Đáp án: c** *(TLĐLĐVN. Sổ tay An toàn vệ sinh viên. Hà Nội 2018)*

**Câu 24:** Để đảm bảo an toàn trong sử dụng, sửa chữa điện người lao động phải?

a. Sử dụng đầy đủ trang bị PTBVCN.

b. Chấp hành đúng quy trình an toàn trong sửa chữa, sử dụng điện.

c. Kiểm tra tình trạng an toàn thiết bị, hệ thống điện trước khi làm việc.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d**

*(Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện)*

**Câu 25:** Dây điện không được buộc vắt trực tiếp trên các kết cấu bằng kim loại, các bệ máy thiết bị?

1. *Đúng*
2. Sai
3. Tùy từng trường hợp

**Đáp án: a**

*(Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện)*

**Câu 26**: Dây dẫn điện không được rải xuống sàn nhà xưởng nơi có người, thiết bị thường xuyên qua lại?

1. *Đúng*
2. Sai
3. Tùy từng trường hợp

**Đáp án: a**

*(Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện)*

**Câu 27:** Những công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động là những công việc?

a. Sử dụng máy, thiết bị dễ gây ra tai nạn lao động.

b. Làm việc trong các điều kiện tiếp xúc với hóa chất, môi trường độc hại.

*c. Cả a và b.*

**Đáp án: c**

*(Thông tư số 13/2016/TT-BLĐTBXH ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động)*

**Câu 28:** Yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động?

a. Công nhân vận hành thiết bị phải có chứng chỉ về chuyên môn, nắm được nguyên tắc an toàn khi sử dụng và có thẻ an toàn lao động.

b. Ban hành và niêm yết nội quy an toàn, quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố tại nơi để thiết bị ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.

c. Phải được kiểm định kỹ thuật an toàn với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

*d. Cả a, b và c.*

**Đáp án: d** *(Điều 14, 16, 31, Luật ATVSLĐ)*

**KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**(29 câu)**

**Câu 1:** Vệ sinh lao động là gì?

a. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

b. Vệ sinh lao động là giải pháp an toàn nhất trong quá trình lao động.

*c. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động.*

**Đáp án: c** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 2:** Yếu tố có hại là gì?

a. Yếu tố có hại là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

*b. Yếu tố có hại là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.*

c. Yếu tố có hại là yếu tố tác động làm người lao động bị bệnh nghề nghiệp sau quá trình lao động.

**Đáp án: b** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 3:** Bệnh nghề nghiệp là gì?

*a. Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động đối với người lao động.*

b. Là sự suy giảm sức khỏe do các yếu tố độc hại trong môi trường lao động.

c. Là một hiện tượng bệnh lý do các yếu tố có hại, yếu tố nguy hiểm trong sản xuất gây ra.

**Đáp án: a** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 4:** Quan trắc môi trường lao động là gì?

a.K**iểm tra, đo đạc và theo dõi thường xuyên mang tính định kì thông qua các chỉ tiêu về tính chất vật lý và hóa học của thành phần môi trường.**

**b. Đo đạc, đánh giá các chỉ số vật lý, hóa học trong không khí.**

***c. Thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp.***

**Đáp án: c** *(Điều 3 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 5:** Một số **y**ếu tố có hại liên quan đến quá trình sản xuất là?

a. Tiếng ồn và rung động.

b. Bụi và các hóa chất độc hại trong sản xuất.

c. Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không đảm bảo như: nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt,…

*d. Cả a, b và c*

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 6:** Những yếu tố có hại nào dưới đây có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp trong lao động, sản xuất?

a. Các yếu tố vì khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, rung động không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh; các loại bụi.

b. Bức xạ và phóng xạ; các hóa chất độc; vi sinh vật có hại; các yếu tố về cường độ lao động, tư thế lao động không hợp lý.

*c. Cả a và b.*

**Đáp án: c**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 7:** Các yếu tố nào sau đây là yếu tố có hại có thể gây bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong quá trình sản xuất?

a. Bức xạ và phóng xạ.

b. Tiếng ồn và nguồn nhiệt.

c. Tiếng ồn và độ rung.

*d. Cả a và c*

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 8:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh bụi phổi silic?

a. Khai thác, chế biến quặng và đá có chứa Silic tự do.

b. Luyện kim, đúc có tiếp xúc với bụi cát; đánh bóng, mài nhẵn bằng cát.

c. Chế tạo, thủy tinh, đồ sành sứ, đồ gốm, gạch chịu lửa.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 9:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh bụi phổi bông?

a. Trồng, thu hoạch, chế biến bông, đay, lanh gai.

b. Sản xuất sợi, chỉ, dệt vải, may mặc.

*c. Cả a, b*

**Đáp án: c**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 10:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh bụi phổi than?

a. Khai thác, chế biến than.

b. Sử dụng than trong các lò nung, lò luyện, lò hơi, sản xuất điện cực than.

c. Khai thác graphit.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 11:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh điếc do tiếng ồn?

a. Làm việc tại sân bay.

b. Khai khoáng, mỏ, luyện cán thép, cơ khí, xây dựng, dệt.

c. Bộ đội tăng, thiết giáp, pháo binh.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 12:** Người lao động làm các nghề, công việc nào sau đây có thể bị bệnh bụi phổi amiăng?

a. Khai thác, chế biến quặng hoặc đá có chứa amiăng; chải sợi, kéo sợi và dệt vải amiăng; làm cách nhiệt bằng amiăng.

b. Sản xuất, xử lý tấm lợp amiăng - ximăng, các gioăng bằng amiăng và cao su; má phanh bằng amiăng; bìa các-tông và giấy có amiăng.

c. Sản xuất phân lân, thợ sửa chữa ô tô, xe máy.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 15/2016/TT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn chẩn đoán, giám định bệnh nghề nghiệp)*

**Câu 13:** Hãy nêu một số biện pháp tổ chức lao động đảm bảo ATVSLĐ?

a. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm bảo đảm an toàn.

b. Bố trí không gian làm việc rộng rãi, tư thế thao tác thoải mái.

c. Huấn luyện ATVSLĐ cho người lao động.

*d. Cả a, b và c.*

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 14:** Theo QCVN 22:2016/BYT, khu vực may, đan sợi nhỏ, thêu móc, thiết kế bằng tay, vẽ mẫu thì độ rọi chiếu sáng tối thiểu là:

a. 700 Lux.

*b. 750 Lux.*

c. 800 Lux.

d. 850 Lux.

**Đáp án: b**

**Câu 15:** Theo QCVN 24:2016/BYT, mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn của người lao động tại nơi làm việc bình thường trong 8 giờ tại các cơ sở sản xuất không được vượt quá bao nhiêu decibel (dBA)?

a. 80dBA

*b. 85dBA*

c. 90dB

d. 95dB

**Đáp án: b**

**Câu 16:** Tác hại của tiếng ồn đối với người lao động trong sản xuất là:

*a. Gây đau đầu và ù tai, giảm sự tập trung, giảm năng suất lao động, gây rối loạn nhịp tim, ảnh hưởng đến bệnh cao huyết áp, gây điếc nghề nghiệp.*

b. Tăng nguy cơ mắc các bệnh mạn tính như về xương khớp, hô hấp và tiêu hoá.

c. Gây nhiễm độc, làm giảm khả năng miễn dịch, gây ung thư và một số bệnh mạn tính khác.

d. Tất cả các tác hại trên.

**Đáp án: a** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 17:** Biện pháp nào dưới đây giúp làm giảm tác hại của tiếng ồn tại nơi làm việc?

a. Thay đổi thiết bị công nghệ và sử dụng các biện pháp kỹ thuật giảm ồn.

b. Dùng phương tiện bảo vệ cá nhân chống ồn.

c. Bố trí hợp lý thời gian làm việc ở nơi có nguồn ồn.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 18:** Theo quy định, người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì được:

a. Giảm thời giờ làm việc.

b. Khám sức khỏe ít nhất 6 tháng/1 lần.

c. Bồi dưỡng bằng hiện vật nếu có yếu tố độc hại vượt tiêu chuẩn cho phép.

*d. Cả a, b, c.*

**Đáp án: d** *(Điều 21, 24, 25 Luật ATVSLĐ)*

**Câu 19:** Khi cấp cứu người bị say nắng, say nóng; biện pháp đầu tiên cần phải thực hiện là?

a. Chườm bằng nước mát để nhiệt độ giảm từ từ.

*b. Đưa nạn nhân vào chỗ râm mát hoặc ra khỏi môi trường nóng.*

c. Nới lỏng quần áo hoặc cởi hết quần áo ngoài.

d. Quạt cho thoáng mát.

**Đáp án: b** *(TLĐLĐVN. Sổ tay An toàn vệ sinh viên. Hà Nội 2018)*

**Câu 20:** Việc đầu tiên khi tiến hành sơ cứu ban đầu do bị bỏng nhiệt, ta nên thực hiện biện pháp nào?

a. Dùng kem đánh răng bôi vào vùng vị bỏng.

*b. Ngâm rửa hoặc tưới rửa phần da bị bỏng bằng nước mát.*

c. Băng kín vùng bị bỏng.

d. Tất cả các biện pháp trên.

**Đáp án: b** *(TLĐLĐVN. Sổ tay An toàn vệ sinh viên. Hà Nội 2018)*

**Câu 21:** Khi cấp cứu người bị bỏng do hóa chất, cần làm theo trình tự nào sau đây?

a. Cởi bỏ quần áo dính hóa chất, lau và rửa sạch vết thương dưới vòi nước sạch, nhanh chóng vận chuyển nạn nhân ra khỏi hiện trường.

*b. Nhanh chóng vận chuyển nạn nhân ra khỏi hiện trường, cởi bỏ quần áo dính hóa chất, lau và rửa sạch vết thương dưới vòi nước sạch.*

c. Cởi bỏ quần áo dính hóa chất, lau và rửa sạch vết thương.

d. Nhanh chóng vận chuyển nạn nhân ra khỏi hiện trường, cởi bỏ quần áo dính hóa chất.

**Đáp án: b** *(TLĐLĐVN. Sổ tay An toàn vệ sinh viên. Hà Nội 2018)*

**Câu 22:** Khi cần vào hầm chứa, thùng khoang kín để làm việc phải?

a. Sử dụng khẩu trang lọc bụi, sử dụng mặt nạ phòng độc.

b. Yêu cầu 1 người cộng tác, thông khí hầm chứa mang đầy đủ bảo hộ lao động và mặt nạ lọc độc.

c. Yêu cầu 1 người cộng tác mang đầy đủ bảo hộ lao động và mặt nạ phòng độc.

*d. Yêu cầu 1 người cộng tác, thông khí hầm chứa, mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định và mặt nạ cấp khí sạch.*

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 29/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 25/12/2018 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động khi làm việc trong không gian hạn chế)*

**Câu 23: Khi làm việc trong không gian hạn chế, có thể tiềm ẩn các yếu tố nguy hiểm, có hại nào?**

**a. Hóa chất, khí độc hại**

**b. Tiếng ồn, nhiệt, bức xạ**

**c. Tư thế làm việc gò bó**

***d. Cả a, b, c***

**Đáp án: d**

*(Thông tư số 29/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 25/12/2018 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động khi làm việc trong không gian hạn chế)*

**Câu 24:** Hóa chất xâm nhập vào cơ thể qua đường nào?

a. Hô hấp

b. Tiêu hóa

c. Qua da

*d. Cả a, b, c*

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 25: Môi trường lao động lạnh thấp hơn tiêu chuẩn cho phép gây tác hại gì tới cơ thể?**

**a. Da bị xanh; làm giảm nhịp tim, nhịp thở.**

**b. Gây co thắt mạch, làm giảm khả năng vận động, đau cơ, viêm cơ, thấp khớp, viêm thần kinh ngoại biên.**

**c. Giảm sức đề kháng, giảm miễn dịch, gây viêm đường hô hấp trên.**

***d. Cả a, b, c***

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 26: Môi trường lao động có nhiệt độ cao vượt tiêu chuẩn cho phép gây tác hại gì tới người lao động?**

**a. Mất nước, mất khoáng**

**b. Chóng mặt, nhức đầu**

**c. Giảm chú ý, mất tập trung**

***d. Cả a, b, c***

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 27: Tác hại của rung toàn thân đối với sức khỏe người lao động là gì?**

**a. Gây tổn thương cơ bắp.**

**b. Làm tổn thương hệ thần kinh, nội tạng.**

**c. Ảnh hưởng đến thị giác và tiền đình.**

***d. Cả a, b, c***

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 28: Để phòng chống tác hại nghề nghiệp, có thể áp dụng các giải pháp nào sau đây?**

**a. Cơ khí hóa, tự động hóa các khâu độc hại, thay thế các chất độc hại bằng các chất không độc hại.**

**b. Thông gió, chống nóng, hút bụi, cách ly hoặc che chắn nguồn ồn, rung động, bức xạ.**

**c. Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân.**

***d. Cả a, b, c***

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

**Câu 29: Tác hại của hóa chất đối với sức khỏe người lao động?**

**a. Tổn thương mắt và da: mờ mắt, hỏng mắt, xạm da, nốt dầu.**

**c. Ảnh hưởng đến phổi, phế quản, tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, di truyền, thành phần máu.**

**c. Gây ung thư.**

***d. Cả a, b, c.***

**Đáp án: d** *(PGS.TS.Nguyễn An Lương. Bảo hộ lao động. Nhà Xuất bản Lao động. Hà Nội, 2012)*

AN TOÀN VỆ SINH VIÊN

(30 câu)

**Câu 1:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định an toàn vệ sinh viên phải có những tiêu chuẩn nào sau đây?

a. Người có kiến thức đầy đủ về an toàn vệ sinh lao động, được chủ doanh nghiệp tín nhiệm.

b. Người có thâm niên công tác từ 5 năm trở lên và phải có kiến thức về an toàn vệ sinh lao động, nhiệt tình với công việc.

c. Là người lao động có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, gương mẫu và có kiến thức đầy đủ về an toàn vệ sinh lao động.

*d. Là người lao động trực tiếp sản xuất, am hiểu chuyên môn, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động, tự nguyện, gương mẫu trong việc chấp hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động và được người lao động trong tổ bầu ra.*

**Đáp án: d (Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 2:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định mỗi tổ sản xuất trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có ít nhất bao nhiêu an toàn vệ sinh viên kiêm nhiệm trong giờ làm việc?

*a. 01 An toàn vệ sinh viên.*

b. 02 An toàn vệ sinh viên.

c. 03 An toàn vệ sinh viên.

**Đáp án: a (K1, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 3:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015, khi ra quyết định thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên người sử dụng lao động có phải lấy ý kiến Ban Chấp hành công đoàn cơ sở không?

*a.  Có.*

b. Không.

c. Nếu thấy cần thiết.

**Đáp án: a (K1, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 4:**Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên hoạt động dưới sự quản lý và hướng dẫn của ai?

a. Người sử dụng lao động.

*b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở.*

c. Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

d. Người sử dụng lao động và BCH công đoàn cơ sở.

**Đáp án: b (K3, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 5:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015, quy định An toàn vệ sinh viên có quyền gì sau đây về an toàn, vệ sinh lao động*?*

a. Được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp hoạt động.

b. Được cung cấp thông tin đầy đủ về biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

c. Được yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động.

*d. Tất cả các quyền trên.*

**Đáp án: d (K5, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 6:** An toàn vệ sinh viên không có quyền nào sau đây về an toàn, vệ sinh lao động?

a. Được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên.

b. Được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

c. Được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên.

*d. Được yêu cầu công đoàn cơ sở trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.*

**Đáp án: d (K5, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 7:** Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên có bao nhiêu nghĩa vụ?

a. Có 3 nghĩa vụ.

b. Có 4 nghĩa vụ.

*c. Có 5 nghĩa vụ.*

d. Có 6 nghĩa vụ.

**Đáp án: c (K4, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 8:** Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên có bao nhiêu quyền?

a. Có 3 quyền.

*b. Có 4 quyền.*

c. Có 5 quyền.

d. Có 6 quyền.

**Đáp án: b (K5, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 9:** Theo Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định An toàn vệ sinh viên có nghĩa vụ nào sau đây?

a. Báo cáo với tổ chức công đoàn hoặc thanh tra lao động khi phát hiện vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

b. Kiến nghị với tổ trưởng hoặc cấp trên thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hộ lao động, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

c. Tham gia xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động hàng năm.

*d. Tất cả các nghĩa vụ trên.*

**Đáp án: d (K4, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 10:** Nhiệm vụ nào không phải là nhiệm vụ của An toàn vệ sinh viên?

*a. Tổ chức kiểm tra định kỳ về công tác an toàn vệ sinh lao động tại doanh nghiệp.*

b. Đôn đốc, nhắc nhở người lao động trong tổ, đội chấp hành các quy tắc về an toàn vệ sinh lao động.

c. Hướng dẫn người lao động sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân.

**Đáp án: a (K4, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 11:** Ai ban hành Quyết định thành lập và Quy chế hoạt động của mạng lưới An toàn vệ sinh viên?

a. Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

b. Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất với người sử dụng lao động.

*c. Người sử dụng lao động thống nhất ý kiến với Ban chấp hành công đoàn cơ sở (nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh đã thành lập Ban chấp hành công đoàn cơ sở).*

**Đáp án: c (K1, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 12:** Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 quy định mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng cho an toàn vệ sinh viên như thế nào?

*a. Do người sử dụng lao động và Ban chấp hành công đoàn cơ sở thống nhất thỏa thuận và được ghi trong quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.*

b. Mức tối thiểu phải bằng 10% tiền lương cở sở.

c. Mức tối thiểu phải bằng 10% tiền lương tối thiểu vùng.

d. Mức tương đương với phụ cấp của tổ trưởng tổ sản xuất.

**Đáp án: a (K5, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 13:** Phụ cấp trách nhiệm cho an toàn vệ sinh viên do ai chi trả?

a. Do Công đoàn cơ sở chi trả.

*b. Do người sử dụng lao động chi trả.*

c. Do người sử dụng lao động và công đoàn cơ sở cùng chi trả.

**Đáp án: b (K5, Đ74, Luật ATVSLĐ)**

**Câu 14 :** Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2016 quy định An toàn vệ sinh viên thuộc đối tượng huấn luyện nhóm nào?

a. Nhóm 1.

b. Nhóm 2.

c. Nhóm 5.

*d. Nhóm 6.*

**Đáp án: d (Đ17, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 15:** Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2016 quy định thời gian huấn luyện lần đầu cho an toàn, vệ sinh viên (ngoài nội dung đã huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động) được quy định như thế nào?

*a. Ít nhất là 4 giờ.*

b. Ít nhất là 8 giờ.

c. Ít nhất là 16 giờ.

d. Ít nhất là 24 giờ.

**Đáp án: a (Đ19, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 16:** Phương pháp hoạt động của An toàn vệ sinh viên là?

a. Hàng ngày bám sát, nắm chắc tình hình an toàn, vệ sinh lao động của máy, thiết bị. Phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động.

b. Kết hợp biện pháp vận động, thuyết phục, ngăn chặn kịp thời các hiện tượng làm bừa, làm ẩu.

c. Gương mẫu chấp hành các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động để làm gương cho tập thể.

*d. Tất cả các phương pháp trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 17:** Nghị định 44/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/5/2016 quy định An toàn vệ sinh viên tham gia lớp huấn luyện về An toàn vệ sinh lao động và tham gia lớp bổ sung về kỹ năng, phương pháp hoạt động của an toàn vệ sinh viên sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu thì được cấp?

*a. Giấy chứng nhận huấn luyện.*

b. Thẻ an toàn.

c. Danh sách huấn luyện.

d. Cả 3 đáp án trên.

**Đáp án: a (Đ24, NĐ44/2016/NĐ-CP)**

**Câu 18:** Hoạt động của Mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm:

a. Giúp Ban Chấp hành công đoàn cơ sở thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động.

b. Giúp người sử dụng lao động thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động.

c. Đẩy mạnh phong trào "Xanh -Sạch- Đẹp, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động" tại doanh nghiệp.

*d. Cả 3 câu a,b,c đều đúng.*

**Đáp án: d**

**Câu 19:** Nội dung sinh hoạt định kỳ của mạng lưới An toàn vệ sinh viên?

a. Trao đổi, báo cáo các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của người lao động trong tổ về tình hình công tác an toàn vệ sinh lao động trong tại doanh nghiệp.

b. Thông tin về các vụ tai nạn lao động, các sự cố xảy ra trong doanh nghiệp.

c. Trao đổi, đề xuất các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.

*d. Cả 3 nội dung trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 20:** Hội thi An toàn vệ sinh viên giỏi ở cơ sở nhằm?

a. Nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động cho An toàn vệ sinh viên

b. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động.

c. Biểu dương, khen thưởng kịp thời.

*d. Tất cả các nội dung trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 21:** An toàn vệ sinh viên được quy định trong Điều nào của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015?

a. Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

*b. Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.*

c. Điều 75 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

**Đáp án: b**

**Câu 22:** Nội dung hoạt động hàng ngày trước ca làm việc của mạng lưới An toàn vệ sinh viên?

a. Kiểm tra điều kiện môi trường làm việc.

b. Nhắc nhở người lao động trong tổ sử dụng đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân.

*c. Cả 2 nội dung trên.*

**Đáp án: c**

**Câu 23:** An toàn, vệ sinh viên có phải được huấn luyện những nội dung thuộc nhóm 3 không?

a. Không phải huấn luyện.

*b. Có phải huấn luyện, đối với trường hợp an toàn vệ sinh viên làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.*

**Đáp án: b**

**Câu 24:** Tham gia với người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động; tham gia hướng dẫn biện pháp làm việc an toàn đối với người lao động mới đến làm việc ở tổ là quyền, trách nhiệm của cơ quan/bộ phận nào?

# a. Bộ phận y tế.

# b. Tổ chức công đoàn.

# *c. An toàn, vệ sinh viên.*

# d. Cả 3 đáp án trên đều sai.

# Đáp án: c

**Câu 25:** Giám sát việc thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phát hiện những thiếu sót, vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động, những trường hợp mất an toàn, vệ sinh của máy, thiết bị, vật tư, chất và nơi làm việc là quyền, trách nhiệm của cơ quan/bộ phận nào?

a. Bộ phận y tế.

*b. An toàn, vệ sinh viên.*

c. Công đoàn cơ sở.

d. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

**Đáp án: b**

**Câu 26:** Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc để thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, nếu thấy có nguy cơ trực tiếp gây sự cố, tai nạn lao động và chịu trách nhiệm về quyết định đó là quyền, trách nhiệm của cơ quan/bộ phận nào?

a. Bộ phận y tế.

*b. An toàn, vệ sinh viên.*

c. Tổ chức Công đoàn.

d. Hội đồng an toàn vệ sinh lao động cơ sở.

**Đáp án: b**

**Câu 27:** Ai có nghĩa vụ chính trong việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động?

a. Ban Chấp hành công đoàn cơ sở.

b. Tổ trưởng tổ sản xuất.

c. Cán bộ An toàn, vệ sinh viên.

*d. Người sử dụng lao động.*

**Đáp án: d**

**Câu 28:** An toàn vệ sinh viên được dành một phần thời gian làm việc để thực hiện các nhiệm vụ của an toàn vệ sinh viên nhưng vẫn được trả lương cho thời gian thực hiện nhiệm vụ, như vậy đúng hay sai?

*a. Đúng*

b. Sai

**Đáp án: a**

**Câu 29:** An toàn vệ sinh viên phối hợp với người làm công tác an toàn vệ sinh lao động, người làm công tác y tế tại cơ sở để thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động tại cơ sở, như vậy đúng hay sai?

a. Sai

*b. Đúng*

**Đáp án: b**

**Câu 30:** Mạng lưới An toàn vệ sinh viên của doanh nghiệp sinh hoạt định kỳ ít nhất?

*a. 1 tháng 1 lần.*

b. 2 tháng 1 lần.

c. 3 tháng 1 lần.

**Đáp án: a**

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ KIẾN THỨC VỀ PCCC

(30 câu)

Câu 1: Luật phòng cháy và chữa cháy được qui định đối tượng áp dụng thế nào?

a. Tất cả các cơ sở hoạt động, sản xuất, kinh doanh.

b. Tất cả các cơ quan, tổ chức.

*c. Tất cả các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.*

d. Tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động, sinh sống trong và ngoài nước.

**Đáp án: c (Đ2, Luật PCCC)**

**Câu 2:** Theo quy định của Luật phòng cháy và chữa cháy hằng năm ngày nào sau đây là “Ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy”?

a. Ngày 19 tháng 8

b. Ngày 3 tháng 10

*c. Ngày 4 tháng 10*

d. Ngày 5 tháng 10

**Đáp án: c (Đ11, Luật PCCC)**

**Câu 3:** Luật phòng cháy và chữa cháy quy định khi có cháy yêu cầu nào được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy?

a. Mọi nguồn nước chữa cháy.

*b. Mọi nguồn nước và các vật liệu chữa cháy.*

c. Các vật liệu chữa cháy phải được ưu tiên sử dụng cho chữa cháy.

d. Mọi nguồn nước và các vật dụng khác.

**Đáp án: b (Đ35, Luật PCCC)**

**Câu 4:** Người trực tiếp chữa cháy, người tham gia chữa cháy mà bị hy sinh, bị thương, bị tổn hại sức khỏe, bị tổn thất về tài sản có được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật không?

a. Không

*b. Có*

**Đáp án: b (Đ10, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật PCCC)**

Câu 5: Việc trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy đối với các cơ sở được Luật phòng cháy và chữa cháy quy định như thế nào?

*a. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tự trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.*

b. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không cần tự trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình.

c. Uỷ ban nhân dân cấp xã phải trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy cho cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

d. Lực lượng Cảnh sát PCCC có trách nhiệm trang bị cho các cơ sở.

**Đáp án: a (Đ50, Luật PCCC)**

**Câu 6:** Quy trình tổ chức chữa cháy của lực lượng tại chỗ?

*a. Báo động cháy 🡪 ngắt điện 🡪 dùng bình chữa cháy, cát, nước dập cháy 🡪 gọi 114.*

b. Báo động cháy 🡪 gọi 114 🡪 ngắt điện 🡪 dùng bình chữa cháy, cát, nước dập cháy.

c. Ngắt điện 🡪 báo động cháy 🡪 gọi 114 🡪 dùng bình chữa cháy, cát, nước dập cháy.

**Đáp án: a (Căn cứ vào Tiêu lệnh chữa cháy)**

**Câu 7:** Khi hàn cắt cần chú ý những điểm gì?

a. Bảo đảm khoảng cách an toàn, di chuyển hoặc che chắn vật liệu dễ cháy.

b. Có phương tiện chữa cháy tại chỗ và có người giám sát.

c. Kiểm tra lại khu vực hàn cắt khi kết thúc.

*d. Cả 3 đáp án trên.*

**Đáp án: d**

**Câu 8:** Trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở?

a. Đội trưởng đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

b. Đội trưởng đội bảo vệ.

*c. Người đứng đầu cơ sở.*

d. Cả ba đáp án trên.

**Đáp án: c (K2, Đ21, NĐ79/2014/NĐ-CP)**

**Câu 9**: Số điện thoại gọi điện báo cháy được quy định thống nhất trong cả nước?

a. 113

*b. 114*

c. 141

d. 115

**Đáp án: b (Đ32, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật PCCC)**

**Câu 10:** Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động Phòng cháy và chữa cháy?

a. Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia hoạt động PCCC.

b. Trong hoạt động PCCC lấy phòng ngừa là chính; phải tích cực và chủ động phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy xảy ra và thiệt hại do cháy gây ra.

c. Phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện khác để khi có cháy xảy ra thì chữa cháy kịp thời, có hiệu quả.

d. Mọi hoạt động PCCC trước hết phải được thực hiện và giải quyết bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ.

*e. Cả 4 đáp án trên.*

**Đáp án: e (Đ4, Luật PCCC)**

**Câu 11:** Chất nguy hiểm về cháy, nổ?

a. Là chất lỏng, chất khí, chất rắn dễ cháy, nổ.

*b. Là chất lỏng, chất khí, chất rắn hoặc hàng hoá, vật tư dễ xảy ra cháy nổ.*

c. Là chất lỏng, chất khí,chất rắn, hoặc máy móc dễ xảy ra cháy, nổ.

d. Các chất có tính chất đặc biệt nguy hiểm về chaý nổ như xăng, dầu, khí đốt, hóa lỏng.

**Đáp án: b (Đ3, Luật PCCC)**

**Câu 12:** Biện pháp cơ bản trong chữa cháy?

a. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.

b. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.

c. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

*d. Cả 3 đáp án đều đúng.*

**Đáp án: d (Đ30, Luật PCCC)**

**Câu 13:** Biện pháp cơ bản trong phòng cháy?

a. Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt.

b. Bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy.

c. Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.

*d. Cả 3 đáp án đều đúng.*

**Đáp án: d (Đ14, Luật PCCC)**

**Câu 14:** Phương pháp dập lửa nhanh nhất?

1. Dùng chất chữa cháy phun vào đầu ngọn lửa.
2. *Dùng chất chữa cháy phun vào gốc ngọn lửa.*
3. Dùng chất chữa cháy phun vào thân ngọn lửa.

**Đáp án: b (Giáo trình Cơ sở lý hóa quá trình phát triển và dập tắt đám cháy - Trường Đại học PCCC - 2002)**

**Câu 15:** Luật phòng cháy và chữa cháy quy định tại các cơ sở hoạt động khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao phải:

a. Thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

b. Có phương án bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

c. Tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với phương án phòng cháy và chữa cháy.

*d. Cả câu a,b,c đều đúng.*

**Đáp án: d (Đ21, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật PCCC)**

**Câu 16:** Luật Phòng cháy và chữa cháy quy định lực lượng dân phòng và lực lượng phòng cháy chữa cháy cơ sở gồm có mấy nhiệm vụ?

a. 3 Nhiệm vụ.

b. 4 Nhiệm vụ

*c. 5 Nhiệm vụ*

d. 6 Nhiệm vụ

**Đáp án: c (Đ45, Luật PCCC)**

**Câu 17:** Nội quy an toàn về PCCC gồm các nội dung cơ bản nào?

a. Quy định việc quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ có khả năng sinh lửa, sinh nhiệt.

b. Những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

c. Quy định việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy.

d. Những việc phải làm để phòng ngừa cháy, nổ khi có cháy, nổ xảy ra.

*e. Cả 4 đáp án trên.*

**Đáp án: e (Đ5, TT66/2014/TT-BCA)**

**Câu 18:** Luật PCCC quy định có các lực lượng phòng cháy và chữa cháy nào?

a. Lực lượng dân phòng.

b. Lực lượng PCCC cơ sở.

c. Lực lượng phòng cháy chữa cháy chuyên ngành.

d. Lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy.

*e. Tất cả các đáp án trên.*

**Đáp án: e (Đ43, Luật PCCC)**

**Câu 19:** Tín hiệu ưu tiên dùng cho phương tiện chữa cháy cơ giới đường bộ và đường thuỷ là tín hiệu nào?

a. Còi phát tín hiệu ưu tiên.

b. Đèn phát sáng nhấp nháy màu đỏ hoặc màu xanh.

c. Cờ hiệu chữa cháy.

*d. Cả 3 đáp án trên đều đúng.*

**Đáp án: d (Đ27, NĐ79/2014 NĐ-CP)**

**Câu 20:** Chất chữa cháy nào không nên sử dụng đối với đám cháy dầu, mỡ?

a. Khí.

b. Bột.

*c. Nước.*

d. Đáp án b và c.

**Đáp án: c**

**Câu 21:Khi xảy ra cháy tại cơ sở, lực lượng Cảnh sát PCCC chưa tới, những người có mặt dưới đây, ai là người chỉ huy chữa cháy?**

a. Đội trưởng đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở.

*b.* Người đứng đầu cơ sở bị cháy.

c. Tổ trưởng tổ sản xuất.

d. Tổ trưởng tổ bảo vệ.

**Đáp án: b (Đ37, Luật PCCC)**

**Câu 22:** Trong các nguyên nhân sau, nguyên nhân nào dẫn đến cháy, nổ nhiều nhất ở nước ta trong những năm gần đây?

a. Sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt và các chất dễ cháy.

*b. Sự cố hệ thống, thiết bị điện.*

c. Vi phạm quy định an toàn PCCC.

d. Đốt.

**Đáp án: b (báo cáo tổng kết năm của Cảnh sát PCCC và CNCH)**

**Câu 23:** Các bước sử dụng bình khí chữa cháy?

*a. Di chuyển bình đến đám cháy🡪 rút chốt 🡪chỉnh loa phun và phun chất chữa cháy vào đám cháy.*

b. Rút chốt 🡪 di chuyển bình đến đám cháy🡪 chỉnh loa phun và phun chất chữa cháy vào đám cháy.

**Đáp án: a (Bài giảng kỹ thuật cá nhân và đội hình chữa cháy- cứu hộ - Trường Đại học PCCC – 2010)**

**Câu 24:** Khi có cháy, người và phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đều có thể được huy động để chữa cháy và phục vụ chữa cháy?

*a. Đúng*

b. Sai

**Đáp án: a (Đ34, Luật PCCC)**

**Câu 25:** Điều kiện cần thiết cho sự cháy xảy ra khi có đủ các yếu tố nào sau đây?

a. Nguồn nhiệt, nhiên liệu.

b. Nguồn nhiệt, ôxy.

c. Nhiên liệu, ôxy

*d. Nguồn nhiệt, nhiên liệu, ôxy.*

**Đáp án: d (Giáo trình Lý thuyết quá trình cháy - Trường Đại học PCCC)**

Câu 26: Các chất nào dưới đây được coi là chất chữa cháy thông dụng?

1. Nước.
2. Khí CO2.
3. Bọt chữa cháy.
4. *Tất cả đều đúng.*

**Đáp án: d**

**Câu 27:** Khi thấy bình chữa cháy không còn sử dụng được, bạn sẽ:

a. Tự đi mua bình chữa cháy để thay thế.

*b. Báo cho cấp trên hoặc cán bộ quản lý an toàn của đơn vị.*

c. Lấy bình chữa cháy ở vị trí khác thế vào.

d. Không cần quan tâm vì không phải việc của mình.

**Đáp án: b**

**Câu 28:** Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở là:

a. Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động phòng cháy chữa cháy, giữ gìn an ninh trật tự nơi cư trú.

b. Là tổ chức gồm những người được giao nhiệm vụ PCCC tại cơ sở, hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

c. Là tổ chức gồm những người tham gia hoạt động trực tiếp trong công tác phòng cháy chữa cháy.

d. Là tổ chức gồm những người tình nguyện tham gia hoạt động trực tiếp trong công tác phòng cháy chữa cháy.

**Đáp án: b (K6, Đ3, Luật PCCC 2001 và sửa đổi bổ sung năm 2013)**

**Câu 29:** Căn cứ nào để xác định bình bột chữa cháy còn sử dụng được?

*a. Kim ở vạch chỉ màu xanh trên đồng hồ áp kế.*

b. Kim ở vạch chỉ màu đỏ trên đồng hồ áp kế.

c. Kim ở vạch chỉ màu vàng trên đồng hồ áp kế.

**Đáp án: a**

**Câu 30:** Hàm lư­ợng oxy chiếm bao nhiêu % thể tích không khí thì sự cháy sẽ tắt?

a. Dưới 13%.

*b. Dưới 14%.*

c. Dưới 15%.

d. Dưới 16%.

**Đáp án: b (Giáo trình Lý thuyết quá trình cháy - Trường Đại học PCCC)**

**PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 TẠI NƠI LÀM VIỆC**

**(20 câu)**

**Câu 1:** Tại nơi làm việc khi thấy bản thân có biểu hiện sốt, ho, đau họng, khó thở, người lao động cần làm gì?

1. Đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được khám và tư vấn.
2. *Hạn chế tiếp xúc với những người xung quanh; Báo ngay với người quản lý hoặc cán bộ y tế của cơ sở lao động; Liên hệ với số Hotline của cơ sở y tế địa phương.*
3. Nếu trước đó không đi đến hoặc về từ vùng có dịch thì không cần phải khai báo y tế và vẫn làm việc bình thường.

**Đáp án: b**

**Câu 2:** Để đảm bảo phòng chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19, cơ sở lao động nên thực hiện biện pháp thông khí nhà xưởng nào sau đây?

1. *Thông khí tự nhiên.*
2. Sử dụng điều hòa.
3. Kết hợp sử dụng điều hòa và thông khí tự nhiên.

**Đáp án: a**

**Câu 3:** Trong các nội dung sau đây, đâu là trách nhiệm của người sử dụng lao để phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại nơi làm việc?

1. Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và đảm bảo vệ sinh môi trường, khử khuẩn tại nơi làm việc.
2. Tổ chức đưa người lao động có biểu hiện sốt, ho, khó thở đến cơ sở cách ly y tế tập trung.
3. Tổ chức thông tin, truyền thông về phòng chống dịch bệnh COVID-19 cho người lao động.
4. *Cả a và c*

**Đáp án: d**

**Câu 4:** Đối với các cơ sở lao động có tổ chức ăn ca tập trung, cần phải làm gì để đảm bảo dự phòng lây nhiễm COVID-19?

1. Bố trí vách ngăn giữa các vị trí ngồi ăn đảm bảo giãn cách tối thiểu 1m.
2. Vệ sinh, khử khuẩn bề mặt bàn ăn sau mỗi lượt ăn ca.
3. Bố trí khu vực rửa tay bằng nước sạch và xà phòng trước và sau khi ăn.
4. *Cả a,b và c*

**Đáp án: d**

**Câu 5:** Người lao động cần phải thực hiện rửa tay, sát khuẩn như thế nào để đảm bảo phòng lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Rửa tay thường xuyên với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn có ít nhất 60% cồn.
2. Rửa tay thường xuyên với xà phòng trong ít nhất 30 giây dung dịch sát khuẩn có ít nhất 70% cồn.
3. *Rửa tay thường xuyên với xà phòng trong ít nhất 30 giây dung dịch sát khuẩn có ít nhất 60% cồn.*

**Đáp án: c**

**Câu 6:** Đối với nền nhà, tường, bàn ghế, các đồ vật trong phòng, phân xưởng, gian bán hàng, các bề mặt có nguy cơ tiếp xúc cao, khu vệ sinh chung vần phải được làm sạch như thế nào để đảm bảo phòng chống dịch COVID-19?

1. *Khử khuẩn ít nhất 01 lần/ngày.*
2. Lau rửa bằng nước sạch 2 lần/ngày.
3. Khử khuẩn ít nhất 02 lần/ngày.

**Đáp án: a**

**Câu 7:** Các vị trí có tiếp xúc thường xuyên tại nơi làm việc như tay nắm cửa, tay vịn cầu thang, tay vịn lan can, nút bấm thang máy, nút bấm tại cây ATM, cây nước uống công cộng…cần phải được làm sạch như thế nào để đảm bảo phòng chống dịch COVID-19?

1. Khử khuẩn ít nhất 01 lần/ngày.
2. *Khử khuẩn ít nhất 02 lần/ngày.*
3. Khử khuẩn ít nhất 03 lần/ngày.

**Đáp án: b**

**Câu 8:** Sau khi kết thúc ca làm việc, người lao động cần làm những việc gì để đảm bảo dự phòng lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Dọn vệ sinh và vứt bỏ rác thải (túi đựng khăn giấy, khẩu trang,…) vào thùng rác có nắp đậy.
2. Rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn chứa 60% nồng độ cồn.
3. Giặt sạch quần áo, khẩu trang, vật dụng cá nhân… (đối với loại dùng nhiều lần) sau mỗi ca làm việc.
4. *Cả a, b, c.*

**Đáp án: d**

**Câu 9:** Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, để phòng chống lây nhiễm COVID-19, cơ sở lao động cần sử dụng dung dịch khử khuẩn tại nơi làm việcnào sau đây?

1. *Dung dịch chứa 0,05% Clo hoạt tính hoặc cồn 70 độ.*
2. Dung dịch xà phòng hoặc cồn 60 độ.
3. Dung dịch chứa 0,5% Clo hoạt tính.
4. Cả b và c.

**Đáp án: a**

**Câu 10:** Theo hướng dẫn của Bộ Y tế, đối với các thiết bị điện, điện tử như công tác đèn điện, máy tính, điện thoại,…cần thực hiện vệ sinh, khử khuẩn như thế nào?

1. Phun khử khuẩn bằng dung dịch chứa 0,05% Clo hoạt tính.
2. Dùng khăn thấm nước sạch và xà phòng lau sạch các bề mặt thiết bị.
3. *Sử dụng cồn 70 độ để lau các bề mặt thiết bị.*
4. Cả a, b và c.

**Đáp án: c**

**Câu 11:** Trước khi đến nơi làm việc, người lao động cần thực hiện những việc gì để phòng chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh cá nhân theo khuyến cáo của Bộ Y tế (rửa tay thường xuyên với xà phòng trong ít nhất 30 giây hoặc sử dụng dung dịch sát khuẩn trên 60% nồng độ cồn, giữ vệ sinh khi ho, hắt hơi...).
2. Chuẩn bị các trang thiết bị cá nhân cần thiết cho thời gian làm việc.
3. Tự theo dõi sức khỏe bản thân. Nếu có một trong các biểu hiện sốt, ho, đau họng, khó thở thì chủ động ở nhà hoặc ký túc xá và thông báo cho đơn vị quản lý.
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 12:** Người lao động cần làm gì tại nơi làm việc để phòng chống lây nhiễm dịch bệnh COVID-19?

1. Đeo khẩu trang đúng cách trong suốt thời gian làm việc.
2. Đảm bảo giãn cách 1,5 m khi làm việc, hội họp, ăn ca, tại các khu vực công cộng trong cơ sở lao động.
3. Đảm bảo vệ sinh cá nhân theo khuyến cáo của Bộ Y tế (rửa tay thường xuyên với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh; che kín mũi, miệng khi ho, hắt hơi; tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng,…).
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 13:** Người lao động làm nghề, công việc có nguy cơ tiếp xúc và lây nhiễm cao với dịch bệnh COVID-19 cần lưu ý những điều gì?

1. Bắt buộc phải sử dụng bộ quần áo phòng hộ (bao gồm cả khẩu trang, kính, mũ, găng tay) trong suốt thời gian làm việc.
2. Sử dụng găng tay phù hợp để giảm tiếp xúc không cần thiết.
3. Khi phải tiếp xúc với trường hợp nghi ngờ mắc bệnh phải sử dụng bộ quần áo phòng hộ (bao gồm cả khẩu trang, kính, mũ, găng tay).
4. *Cả b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 14:** Các khu vực cần vệ sinh, khử khuẩn tại nơi làm việc bao gồm các khu vực nào sau đây?

1. Vị trí làm việc, phòng làm việc, phòng họp, căng tin, khu vực vệ sinh chung và các khu vực dùng chung khác...
2. Khu vực liền kề xung quanh: Tường bên ngoài của phòng làm việc, hành lang, lối đi chung, cầu thang, thang máy, sảnh chờ,...
3. Phương tiện chuyên chở người lao động.
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 15:** Theo hướng dẫncủa Bộ Y tế, để đảm bảo hiệu quả khử khuẩn và an toàn cho người lao động, sau khi cơ sở lao động thực hiện vệ sinh, khử khuẩn môi trường, khi nào người lao động có thể tiếp tục làm việc?

1. Ngay sau khi kết thúc công việc khử khuẩn.
2. *Ngày tiếp theo kể từ khi kết thúc công việc khử khuẩn.*
3. 03 ngày kể từ khi kết thúc công việc khử khuẩn.

**Đáp án: b**

**Câu 16:** Trách nhiệm của người sử dụng lao động, ban quản lý ký túc xá trong phòng chống dịch bệnh COVID-19?

1. Thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại nơi làm việc/ký túc xá.
2. Bố trí nhân lực kiểm tra thân nhiệt cho người lao động vào đầu ca làm việc trước khi vào cơ sở lao động. Phân công và công khai thông tin liên lạc của cán bộ đầu mối phòng chống dịch của cơ sở lao động/ký túc xá.
3. Bố trí đầy đủ khu vực rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay có chứa ít nhất 60% độ cồn tại các vị trí dễ tiếp cận của người lao động.
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 17:** Người lao động cần phải làm gì khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc xe đưa đón của cơ sở lao động?

1. Đeo khẩu trang, đảm bảo khoảng cách giãn cách trên phương tiện.
2. Sát khuẩn tay trước và sau khi sử dụng phương tiện; không ăn uống, nói chuyện trên xe, hạn chế chạm vào các bề mặt trên xe khi không cần thiết.
3. Giữ gìn vệ sinh cá nhân (che kín mũi và miệng khi ho, hắt hơi;…).
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 18:** Nếu cơ sở lao động tổ chức đưa đón người lao động thì phải đảm bảo các quy định gì sau đây?

1. Duy trì mật độ người trên xe sử dụng dưới 50% công suất chuyên chở. Thực hiện thông gió tự nhiên trên phương tiện.
2. Quản lý thông tin của người lao động đi xe hằng ngày. Bố trí camera giám sát trên xe (nếu có thể).
3. Đảm bảo có sẵn dung dịch sát khuẩn tay có chứa trên 60% cồn trên phương tiện và thực hiện vệ sinh, khử khuẩn xe sau mỗi lần đưa đón.
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 19:** Trongcác nội dung sau đây, những việc nào được khuyến cáo đối với người lao động để giảm nguy cơ lây nhiễm COVID-19?

1. Giữ ấm cơ thể, duy trì các thói quen tốt: tập thể dục giữa ca làm việc, tích cực vận động cơ thể, đảm bảo ăn uống đầy đủ dinh dưỡng.
2. Tăng cường ăn, uống nhiều các thực phẩm có vị chua.
3. Thường xuyên súc họng bằng nước muối hoặc các dung dịch súc họng.
4. *Cả a và c.*

**Đáp án: d**

**Câu 20:** Để phòng chống lây nhiễm COVID-19,người lao động được khuyến cáo nên chuẩn bị những đồ dùng cá nhân nào sau đây cho thời gian làm việc?

1. Khăn giấy, khẩu trang, găng tay (nếu cần thiết).
2. Dung dịch sát khuẩn tay chứa trên 60% cồn.
3. Các vật dụng cá nhân: cốc uống nước, túi đựng rác,…
4. *Cả a, b và c.*

**Đáp án: d**

**TÌNH HUỐNG AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**(34 tình huống)**

**Tình huống 1:**

Phát hiện có mùi gas từ hệ thống ống dẫn khí gas của máy cắt, Quản đốc phân xưởng yêu cầu công nhân A là thợ nguội được giao lắp đặt hệ thống gas, ôxy của máy cắt đến kiểm tra và xử lý sự cố rò rỉ gas. Công nhân A đến ngửi để kiểm tra nhưng không phát hiện được chỗ rò nên dùng bật lửa để tìm chỗ rò, lửa truyền dẫn vào trong hộp đồng hồ chỉ thị áp suất gas làm nổ đồng hồ gây tai nạn.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

*-* Quản đốc cử công nhân không hiểu biết về an toàn thiết bị khí ga đi lắp đặt và kiểm tra rò rỉ hơi ga.

- Công nhân A thiếu hiểu biết về khí gas cũng nhận lắp đặt và đi kiểm tra, tuỳ tiện bật lửa kiểm tra, vi phạm quy trình an toàn dẫn đến cháy nổ đồng hồ chỉ thị áp suất gas gây tai nạn.

*Biện pháp:*

- Cử công nhân làm việc phải đúng chuyên môn và được huấn luyện sát hạch cấp thẻ an toàn đến sửa chữa.

- Tổ chức, giám sát chặt chẽ quá trình kiểm tra đường ống dẫn gas, chấp hành đúng quy định an toàn.

- Tuyệt đối cách ly ngọn lửa trần khi phát hiện có rò rỉ gas.

*Ghi nhớ:*

- Chỉ được phân công công nhân lắp đặt, vận hành, sửa chữa, khắc phục sự cố khi đã được đào tạo đúng chuyên môn và huấn luyện sát hạch cấp thẻ về kỹ thuật an toàn.

- Tuyệt đối chấp hành quy trình an toàn và tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình lắp đặt sửa chữa thiết bị gas.

**Tình huống 2:**

Hết ca làm việc, trong lúc các công nhân xưởng sơ chế nan nẹp gỗ đang dọn dẹp xưởng và vệ sinh máy, công nhân A không tham gia dọn dẹp vệ sinh mà tự ý ở lại một mình và khởi động máy cưa đĩa xẻ dọc để xẻ nan nẹp, bị nan gỗ phóng ngược trở lại trúng vào ngực gây tai nạn.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Công nhân A tự ý ở lại sau khi đã hết ca làm việc mà không có lệnh là vi phạm nội quy, kỷ luật lao động.

- Dùng máy cưa đĩa không có bộ phận chống gỗ phóng ngược là vi phạm quy trình sử dụng an toàn máy cưa đĩa.

- Vận hành máy cưa đĩa có 1 người và không đeo yếm da.

*Biện pháp:*

- Phải trang bị đầy đủ các bộ phận an toàn của cưa đĩa.

- Không cho phép công nhân làm việc một mình trên máy cưa đĩa mà không đeo yếm da.

*Ghi nhớ:*

- Chỉ làm việc trên máy cưa đĩa khi có đủ các bộ phận an toàn.

- Khi vận hành máy cưa đĩa phải trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp.

**Tình huống 3:**

Gần kết thúc ca làm việc, công nhân A là người vận hành băng tải kiểm tra xem xét để chuẩn bị vệ sinh băng tải trong khi băng tải vẫn đang hoạt động thì bị khớp nối giữa trục quay và hộp giảm tốc cuốn tay áo không cài khuy kéo theo người vào trục khớp nối không có bao che.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

*-* Công nhân A vận hành băng tải không cài khuy tay áo gọn gàng khi làm việc.

- Các trục quay của băng tải để hở không được bao che.

*Biện pháp:*

- Tuyên truyền nhắc nhở công nhân thực hiện đúng các quy định an toàn khi vận hành băng tải; quần áo, tóc phải gọn gàng khi làm việc ở các máy chuyển động quay.

- Phải bao che an toàn các khớp nối trục quay mới cho băng tải hoạt động.

*Ghi nhớ:*

- Khi thao tác các máy, thiết bị có các trục quay thì quần áo, tóc phải gọn gàng và thực hiện đúng các quy định an toàn.

- Khi thấy có các yếu tố nguy hiểm chuyển động quay phải yêu cầu người có trách nhiệm lắp đặt bao che để đảm bảo an toàn.

**Tình huống 4:**

Công nhân A là thợ phụ việc cho B là thợ hàn chính, chuẩn bị công việc hàn công nhân A cầm dây điện nguồn của máy hàn không có phích cắm với 2 đầu dây có nhiều sợi tua nhỏ cắm trực tiếp vào ổ cắm di động 220V trong khi đi chân đất nên bị điện giật gây tai nạn, các công nhân làm việc gần đó đã đưa A đến bệnh viện cấp cứu, trên đường đến bệnh viện công nhân A đã chết.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

*-* Công nhân cắm dây nguồn của máy hàn bằng 2 đầu dây trực tiếp vào ổ cắm mà không có phích cắm.

- Công nhân phụ hàn đi chân đất không sử dụng giày bảo hộ lao động.

- Khi công nhân A bị điện giật các công nhân đã không tổ chức sơ cứu tại chỗ mà chuyển đi bệnh viện ngay là sai nguyên tắc cấp cứu người bị điện giật.

*Biện pháp:*

*-* Đình chỉ sử dụng máy hàn trên, lắp phích cắm cho dây nguồn của máy hàn.

- Yêu cầu công nhân sử dụng giày bảo hộ lao động khi làm công việc hàn điện.

- Huấn luyện an toàn lao động và phương pháp cấp cứu tai nạn lao động cho công nhân làm việc với nguồn điện trước khi vào làm việc.

*Ghi nhớ:*

*-* Không được dùng các dây điện chỉ có 2 đầu cắm trực tiếp vào nguồn điện mà không dùng phích cắm.

- Khi tai nạn điện xảy ra cần phải cấp cứu người bị nạn trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

**Tình huống 5:**

Một tốp công nhân có nhiệm vụ chuyển dời khung cốt thép đã hàn xong sang vị trí lắp ráp. Do khung cốt thép nặng nên các công nhân di chuyển bằng cách vừa khiêng vừa kéo sệt trên nền nhà. Quá trình kéo đi ngang qua đường dây cấp điện cho máy hàn để rải trên nền nhà.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Dây điện cấp cho máy hàn rải trên nền nhà là vi phạm Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng và tiêu chuẩn An toàn điện trong xây dựng.

- Tổ chức thi công trên công trường thiếu biện pháp an toàn khi có nhiều bộ phận cùng tham gia, khi vận chuyển khung cốt thép nặng không dùng phương tiện vận chuyển mà kéo sệt, sẽ cứa đứt vỏ cách điện của dây cấp điện cho máy hàn dễ dẫn đến tai nạn lao động do điện.

*Biện pháp:*

- Khi vận chuyển vật nặng phải dùng phương tiện vận chuyển.

- Phải kiểm tra điều kiện an toàn trên tuyến đường trước khi và trong quá trình vận chuyển.

- Xếp gọn hoặc treo cao dây điện cấp cho máy hàn để chống dập, trầy xước gây nguy hiểm

*Ghi nhớ:*

- Mặt bằng sản xuất thi công phải được tổ chức gọn gàng, an toàn. Không rải dây điện trên đất, nền nhà xưởng.

- Không kéo lê các vật nặng bằng kim loại qua dây đang có điện nằm rải trên mặt đất.

**Tình huống 6:**

Hai tốp công nhân vận chuyển các cuộn cót lên tầng 2 bằng tời thủ công, khi đang kéo cuộn cót lên thì cuộn cót bị mắc vào dây tời, tời bị kẹt không kéo được. Tốp công nhân trên tầng 2 dùng gậy để đẩy cuộn cót ra khỏi điểm bị kẹt vướng vào tời, bất ngờ hệ thống tời và toàn bộ chân giá đỡ tời sập đổ rơi xuống đất làm tốp công nhân ngã theo.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Hệ thống tời, giá đỡ đã không được lắp đặt, gia cố chắc chắn.

- Thiếu rào chắn, lan can bảo đảm an toàn khi thi công trên cao.

- Tốp công nhân trên tầng 2 không sử dụng PTBVCN (dây an toàn).

*Biện pháp:*

- Lắp đặt hệ thống tời và giá đỡ đảm bảo an toàn, chắc chắn trước khi vận chuyển.

- Làm các rào chắn, lan can bảo vệ cho công nhân làm việc trên tầng cao.

- Kiểm tra, nhắc nhở công nhân thực hiện đúng các biện pháp an toàn: sử dụng dây an toàn khi thao tác các công việc nguy hiểm dễ ngã cao.

*Ghi nhớ:*

- Chỉ tiến hành vận chuyển vật liệu lên tầng cao khi hệ thống tời và giá đỡ được lắp đặt, gia cố chắc chắn, an toàn.

- Làm việc ở vị trí nguy hiểm trên cao phải có biện pháp chống ngã cao và công nhân phải sử dụng đầy đủ các PTBVCN.

**Tình huống 7:**

Khi đi kiểm tra, công nhân điện phát hiện có 2 đèn ống trong phân xưởng sản xuất không sáng, người công nhân liền lấy thang chữ A và trèo lên sửa chữa, khi vừa chạm vào máng đèn thì bị điện giật do dây nối vào chấn lưu bị đứt chạm vào vỏ hộp máng đèn.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

*-* Công nhân điện khi sửa chữa đèn không tắt điện.

- Khi tiến hành sửa chữa điện chỉ có một mình và sử dụng không đầy đủ PTBVCN, dụng cụ an toàn điện.

*Biện pháp:*

*-* Tắt điện cấp cho đèn trước khi sửa chữa đèn.

- Phải có 2 người để một người phụ giữ thang và hỗ trợ khi sửa chữa điện.

- Sử dụng bút thử điện và các PTBVCN khi làm việc trên cao.

*Ghi nhớ:*

- Chỉ tiến hành sửa chữa các máy, thiết bị điện khi đã cắt điện ra khỏi nguồn.

- Khi sửa chữa điện trên cao phải có người giám sát và hỗ trợ, phải sử dụng PTBVCN.

**Tình huống 8:**

Tại một xưởng cơ khí gia công hàn các thùng kim loại cỡ lớn, nhóm thợ hàn làm việc tại đó thường dùng đèn xách tay theo tiêu chuẩn an toàn để chiếu sáng. Hôm đó đèn xách tay bị cháy, công nhân A là thành viên của tổ thợ hàn dùng ngay đèn điện 220V kéo từ ngoài vào để cầm chiếu sáng cho tốp thợ làm việc.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Dùng đèn có điện áp 220V để cầm tay chiếu sáng ở những nơi làm việc kín, mức độ nguy hiểm cao là sai. ở những nơi này chỉ được dùng đèn có điện áp 12V, 24V hoặc 36V.

*Biện pháp:*

- Phải thay ngay đèn điện áp 220V bằng đèn xách tay để sử dụng hoặc ngừng làm việc nếu chưa có đèn xách tay đảm bảo an toàn.

*Ghi nhớ:*

- Khi làm việc ở những nơi có mức độ nguy hiểm cao phải sử dụng đúng các thiết bị có độ an toàn phù hợp với quy chuẩn an toàn, không được tuỳ tiện dùng các thiết bị kém an toàn hơn.

**Tình huống 9:**

Trong xưởng sản xuất có một cầu trục làm việc, người điều khiển cần trục nhiều khi tranh thủ thời gian vừa nâng hàng lên cao vừa cho cầu trục chạy.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Người điều khiển cầu trục cùng một lúc vừa nâng hàng vừa cho cầu trục chạy là sai, vi phạm quy trình quy phạm an toàn sử dụng cầu trục.

*Biện pháp:*

*-* Yêu cầu người điều khiển cầu trục phải tuân theo quy trình quy chuẩn an toàn khi vận hành cầu trục, phải nâng hàng lên đủ độ cao ổn định mới di chuyển.

*Ghi nhớ:*

- Không được vội vàng, phải tuân theo quy trình quy chuẩn an toàn vận hành cầu trục.

**Tình huống 10:**

Trong phân xưởng cơ khí có một máy mài 2 đá. Một công nhân thấy một viên đá đã quá mòn không dùng được nên tự động thay đá mới. Viên đá còn lại là viên cũ cùng loại nhưng đã dùng lâu, mòn khá nhiều. Lúc chạy thử không lắp lại bộ phận bao che, trong khi có nhiều người xúm lại xem.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Không phải thợ chuyên môn lắp đá mài.

*-* Khi thay viên đá mài mới của máy mài hai đá, chưa kiểm tra độ chênh lệch giữa đường kính hai viên đá và chất lượng viên đá cũ.

- Khi chạy thử không lắp ráp các bộ phận bao che đảm bảo an toàn đã chạy thử.

- Khi chạy thử để nhiều người xúm lại xem là vi phạm nội quy sử dụng máy mài đá.

*Biện pháp:*

- Thợ lắp đá mài phải là thợ có chuyên môn, phải kiểm tra độ chênh lệch giữa 2 đá đảm bảo yêu cầu cho phép.

- Phải kiểm tra cẩn thận chất lượng viên đá mài cũ định sử dụng tiếp trước khi lắp viên đá mới (đá có nứt không, độ chênh lệch đường kính giữa đá cũ và mới…).

- Phải lắp đặt đầy đủ các bộ phận an toàn trước khi chạy thử. Khi chạy thử phải thực hiện đúng nội quy an toàn sử dụng máy mài 2 đá, chạy thử không tải tối thiểu phải là 7 phút. Mọi người phải tránh xa hướng văng của đá.

*Ghi nhớ:*

*-* Lắp và chạy thử đá mài mới là việc của thợ có chuyên môn. Phải lắp đặt đúng kỹ thuật và đầy đủ các bộ phận an toàn mới được chạy thử. Ai không có phận sự phải ra khỏi vị trí khi chạy thử máy mài.

**Tình huống 11:**

Công nhân A được phân công làm vệ sinh trong hầm kín đựng hoá chất độc hại X với điều kiện khi vào làm việc phải có mặt nạ. A lên kho nhận mặt nạ, nhận xong A thử ngay độ kín của mặt nạ bằng cách đeo vào thở ra xem mặt nạ có phồng ra không và hít vào xem mặt nạ có xẹp lại không, thấy tốt A yên tâm vào hầm làm việc.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

Công nhân A thử độ kín của mặt nạ là đúng nhưng còn thiếu:

- Chưa kiểm tra mặt nạ được dùng có tương ứng với chất độc X không.

- Thời gian làm việc của mặt nạ thực tế còn lại bao nhiêu phút để xác định thời gian được phép làm việc trong hầm.

- Chưa có người được trang bị tương tự như A dự phòng để theo dõi A làm việc từ bên ngoài hầm và giữ liên lạc với A thường xuyên để ứng cứu trong trường hợp xảy ra sự cố. A được phân công làm việc một mình là sai.

*Biện pháp:*

- A phải khắc phục các thiếu sót về kiểm tra mặt nạ nêu trên.

- Người quản lý khi giao việc cho A phải luôn bố trí người dự phòng có trang bị như A để đề phòng sự cố.

*Ghi nhớ:*

- Việc sử dụng mặt nạ phòng độc phải được hướng dẫn cụ thể, tỉ mỷ, phải được dùng thử, phải bố trí người dự phòng khi có người làm việc tiếp xúc với các hoá chất độc hại.

**Tình huống 12:**

Một tổ bốc xếp làm việc với cần trục. Khi đã móc các kiện hàng vào móc cần trục, cần trục nâng hàng lên, mã hàng đã lơ lửng trên cao, một số người không nhanh chóng ra khỏi vùng hoạt động của cần trục mà vẫn ung dung đi theo chiều chuyển động của mã hàng để chờ hạ hàng. Tổ không bố trí người cảnh giới khu vực nâng hạ hàng.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Cần trục đang cẩu vật nặng lên, nhưng người còn trong vùng hoạt động của cần trục chưa tránh ra ngoài vùng hoạt động của cần trục, sai quy định về an toàn lao động khi vận hành cần trục.

- Không có người cảnh giới khu vực nâng hạ.

*Biện pháp:*

- ATVSV đề nghị công nhân bốc xếp ra khỏi vùng hoạt động nguy hiểm của cần trục trước khi cần trục nâng hàng.

- Yêu cầu công nhân điều khiển cần trục chấp hành các quy định về sử dụng cần trục.

- Phải bố trí người làm tín hiệu và cảnh giới khu vực nâng hạ hàng.

*Ghi nhớ:*

*-* Không đứng, làm việc trong vùng đang hoạt động của cần trục.

- Phải có biện pháp cảnh báo an toàn khi cần cẩu làm việc.

**Tình huống 13:**

Một tốp công nhân làm nhiệm vụ móc cẩu đưa hàng lên xe tại vị trí làm việc dưới đường dây điện cao áp 15kV (có khoảng cách mặt đất 10m). Khi cần cẩu đưa lô hàng lên xe thì chạm đường dây cao áp phóng điện làm 2 công nhân đứng trên xe bị tai nạn điện. Một công nhân bị tai nạn điện được đưa đi cấp cứu đã chết trên đường.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Người điều khiển máy cẩu đã vi phạm quy phạm quy trình vận hành an toàn cần cẩu, làm việc trong hành lang lưới điện (vi phạm quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp).

- Công nhân bị tai nạn điện không được cấp cứu tại chỗ.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu ngừng ngay công việc khi thấy cần cẩu làm việc trong hành lang an toàn lưới điện.

- Đề nghị người quản lý phải có biện pháp khác để tổ chức công việc phù hợp, đảm bảo an toàn.

- Người bị tai nạn điện phải được cấp cứu tại chỗ trước khi chuyển lên tuyến trên.

*Ghi nhớ:*

- Không làm việc khi có nguy cơ vi phạm hành lang và độ cao an toàn lưới điện cao thế.

- Công nhân khi bị điện giật phải được cấp cứu tại chỗ bằng phương pháp thổi ngạt và ép tim.

**Tình huống 14:**

Khi máy trộn bê tông đang làm việc thì tổ trưởng gọi một số người cùng kéo dịch máy ra để xúc phần vữa bê tông rơi vãi ở dưới. Khi mọi người cùng dịch chuyển máy thì dây điện cấp cho máy bị kéo căng mài vào cạnh sắc của hộp nối điện làm điện rò ra vỏ máy, một người bị điện giật văng ra, một người do không đi giày trên nền nhà ẩm ướt nên bị dính chặt vào máy.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Máy điện di động không có nối không bảo vệ.

- Di chuyển máy không cắt điện.

- Không có ủng khi làm việc ở vị trí ẩm ướt.

*Biện pháp:*

- Lắp đặt máy điện di động phải có nối không hoặc nối đất bảo vệ.

- Cắt điện khi di chuyển máy.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc ở vị trí ẩm ướt.

*Ghi nhớ:*

- Lắp đặt máy điện di động phải có nối không hoặc nối đất bảo vệ.

- Phải cắt điện khi di chuyển máy.

- Phải trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc ở vị trí ẩm ướt.

**Tình huống 15:**

Hai công nhân đang đứng trên một thang nhôm sửa chữa một đường ống thông gió trên cao. Chân thang đè lên đường cáp điện 220V, lớp bọc cách điện bị thang đè làm đứt và dây điện bị hở. Vì thế điện truyền qua thang và 2 công nhân bị giật, họ kêu lên và suýt rơi khỏi thang. Hai đồng nghiệp khác lao tới giữ thang để cứu họ. Nhưng khi chạm vào thang cả hai người đều bị điện giật.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Không có biện pháp bảo vệ đường dây điện đi trên sàn

- Công nhân đã cẩu thả khi đặt thang trên đường dây điện

- Công nhân khi ứng cứu đã cho thấy không được huấn luyện về an toàn điện khi lao vào dùng tay giữ thang.

*Biện pháp:*

- Bố trí các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ cáp điện trong khu vực làm việc.

- Công nhân cần được huấn luyện đầy đủ về an toàn điện để không cẩu thả khi làm việc tại khu vực có đường dây điện, đồng thời biết cách ứng cứu khi đồng nghiệp bị tai nạn điện.

*Ghi nhớ:*

- Không được chèn, đè lên đường cáp điện, có biện pháp bảo vệ đường cáp điện khi làm việc gần đường cáp điện.

- Người lao động phải được huấn luyện về ATVSLĐ và kỹ năng, phương pháp xử lý, sơ cấp cứu tai nạn về điện.

**Tình huống 16:**

Công nhân A được giao nhiệm vụ làm vệ sinh nền nhà phân xưởng. A vào kho lấy một máy bơm nước chạy điện để lâu ngày trong kho, cắm điện và bắt tay vào bơm nước để làm việc ngay. Trong quá trình làm việc A đi dép, khi đến gần bơm thì bị điện giật.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Công nhân A không đề nghị người quản lý trực tiếp kiểm tra thiết bị xem có đảm bảo an toàn không trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.

- Không sử dụng ủng cao su khi làm việc ở điều kiện ẩm ướt.

*Biện pháp:*

- Nhắc nhở công nhân A lần sau đề nghị người có trách nhiệm cho kiểm tra thiết bị điện, nhất là thiết bị cũ trước khi sử dụng.

- Yêu cầu A khi làm việc với thiết bị điện trong điều kiện ẩm ướt phải sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân chuyên dùng để chống bị điện giật.

*Ghi nhớ:*

- Phải kiểm tra an toàn thiết bị điện đã để lâu không sử dụng trước khi sử dụng.

- Phải sử dụng đúng chủng loại phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với điều kiện làm việc.

**Tình huống 17:**

Công nhân A là thợ hàn hơi được giao nhiệm vụ sử dụng bình hàn hơi di động để cắt các phôi liệu bằng kim loại. Trong khi làm việc thấy van an toàn của bình bị xì hở, sau nhiều giờ cố tìm cách khắc phục xì hở nhưng không được, A liền lấy một vật nặng chèn lên trục van an toàn và tiếp tục làm việc.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Công nhân A không báo cho lãnh đạo biết về tình trạng mất an toàn của thiết bị mà tự ý sửa chữa là sai.

- Việc chèn van an toàn để khắc phục rò rỉ là vi phạm quy định an toàn trong sử dụng thiết bị chịu áp lực vì làm mất công dụng bảo vệ của van.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu A phải báo cáo lãnh đạo cho người sửa chữa.

- Phổ biến lại các quy định an toàn trong sử dụng thiết bị chịu áp lực và yêu cầu công nhân thực hiện đúng các quy định an toàn làm việc với thiết bị chịu áp lực.

*Ghi nhớ:*

- Không tự động sửa chữa thiết bị, van an toàn khi không có chuyên môn.

- Không được chèn cứng van an toàn.

**Tình huống 18:**

Công nhân A đang nâng chuyển một kiện hàng lớn bằng xe rùa (một loại xe nâng chuyển hàng trong nhà máy, xí nghiệp…) thì kẻng nghỉ ăn giữa ca vang lên. A liền dừng xe, tắt máy và đi vào nhà ăn để ăn ca trong khi kiện hàng vẫn ở vị trí trên cao.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Dừng xe giữa đường gây nguy hiểm và cản trở lối đi lại.

- Vẫn để xe ở trạng thái mang tải trong quá trình nghỉ là vi phạm quy định tiêu chuẩn an toàn trong sử dụng thiết bị nâng chuyển.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu A phải đánh xe vào lề đường và hạ tải xuống (hạ càng nâng đến vị trí thấp nhất).

- Đề nghị người quản lý phổ biến lại cho công nhân A các quy định an toàn trong tiêu chuẩn Việt Nam của quy phạm kỹ thuật an toàn sử dụng thiết bị nâng và tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định an toàn của người lao động.

*Ghi nhớ:*

- Không được để thiết bị nâng chuyển ở trạng thái mang tải trong khi nghỉ giải lao hoặc nghỉ làm việc.

**Tình huống 19:**

Phuy xăng của đơn vị trước đặt dưới gốc cây. Sợ nước mưa lọt vào xăng nên một nhóm công nhân vần phuy xăng để vào dưới mái hiên nhà kho, phía trên bức tường cách nắp phuy 200mm có một bảng cầu dao điện.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Để phuy xăng gần cầu dao điện là vi phạm quy định an toàn cháy nổ trong bảo quản xăng dầu vì trong quá trình đóng, ngắt cầu dao có thể phát sinh tia lửa thì sẽ gây cháy nếu có hơi xăng rò rỉ.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu nhóm công nhân chuyển phuy xăng đến vị trí khác.

- Phổ biến cho họ biết các quy định phòng chống cháy nổ xăng dầu.

- Yêu cầu người sử dụng lao động phải quy định nơi bảo quản các chất cháy nổ, tránh để tuỳ tiện.

*Ghi nhớ:*

- Không được để các chất dễ cháy nổ gần các nguồn có thể phát sinh nhiệt, tia lửa.

**Tình huống 20:**

Trong một lần làm việc phải mở van một bình chứa khí Hydro nhưng do van đóng quá chặt thợ hàn hơi A liền dùng một dụng cụ mở (clê) được nối dài và cố hết sức để vặn mở van và sự cố đáng tiếc đã xảy ra.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Dùng dụng cụ mở (clê) có cánh tay đòn quá dài và lấy hết sức để vặn trong khi không có biện pháp phòng mở quá mức quy định.

*Biện pháp:*

- Nhắc nhở thợ hàn hơi thực hiện đúng các quy định khi sử dụng các chai chịu áp lực, nhất là các chai chứa khí cháy nổ.

- Yêu cầu sử dụng đúng dụng cụ mở van chai và thực hiện quy định an toàn khi mở van chai chịu áp lực (không mở quá nhanh và mở quá lớn).

*Ghi nhớ:*

- Không được dùng dụng cụ không đúng yêu cầu kỹ thuật để mở van chai chịu áp lực để tránh nổ vỡ chai.

**Tình huống 21:**

Công nhân A đứng máy bào, công nhân B đứng máy khoan cách máy của công nhân A khoảng 2m. A mượn B cờ lê, B tung cờ lê cho A, dùng xong A tung lại cờ lê cho B trong khi 2 máy đều đang chạy. Sau đó B nhờ A trông hộ máy để ra ngoài gọi điện, A nhận lời và đi lại trông coi cả 2 máy cho đến lúc B quay lại.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Việc tung dông cụ cho nhau khi máy đang chạy là sai.

- Trông hộ máy cho nhau.

*Biện pháp:*

Nhắc nhở, yêu cầu 2 công nhân:

- Phải đưa tận tay dụng cụ cho nhau.

- Khi cần ra ngoài làm việc khác, phải tắt máy.

*Ghi nhớ:*

- Phải tuân thủ quy trình về an toàn.

- Thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công.

**Tình huống 22:**

Công nhân A đang đứng trên giàn giáo di động để làm việc. bánh xe giàn giáo không được chèn hay khóa lại. A muốn di chuyển sang chỗ khác để sơn nên từ trên giàn giáo A gọi công nhân B nhờ đẩy hộ giàn giáo sang chỗ mới, B đồng ý và làm luôn.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Giàn giáo di động mà bánh xe không được chèn hay khóa lại khi làm việc.

- Công nhân vẫn ngồi trên giàn giáo trong khi giàn giáo di chuyển.

*Biện pháp:*

Yêu cầu B dừng di chuyển giàn giáo và A xuống khỏi giàn giáo mới được di chuyển.

*Ghi nhớ:*

- Phải tuân thủ quy trình về an toàn.

- Phải khóa hoặc chèn bánh xe giàn giáo di động khi làm việc

- Chỉ di chuyển giàn giáo khi không có người ở trên giàn giáo.

**Tình huống 23:**

Trên công trường xây dựng, máy vận thăng chuyên dùng để chở vật liệu lên cao. Công nhân A xin đi nhờ, người vận hành máy vận thăng đồng ý và cho A vào vận thăng rồi điều khiển vận thăng cho A lên tầng làm việc.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Máy vận thăng chuyên dùng chở vật liệu, không cho phép chở người.

- Không có người giám sát, đôn đốc công nhân thực hiện các quy định an toàn sử dụng máy vận thăng.

*Biện pháp:*

Yêu cầu:

- Công nhân vận hành vận thăng không được cho người lên xuống bằng vặn thăng.

- Đề nghị phổ biến cho toàn bộ cán bộ, công nhân trên công trường quy định về an toàn trong sử dụng vận thăng. Treo nội quy, biển báo cấm cho người lên xuống bằng vận thăng.

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định về an toàn trong sử dụng vận thăng.

*Ghi nhớ:*

- Phải tuân thủ quy định về an toàn trong sử dụng vận thăng.

- Không được cho người lên xuống bằng vận thăng chở hàng.

**Tình huống 24:**

Công nhân A là thợ hàn hơi đang định di chuyển chai oxy đến chỗ làm việc cách đó 20m, công nhân B là thợ sửa máy đang lau tay bằng giẻ. A nhờ B khiêng chai, mỗi người một đầu và B nhận lời, hai người thực hiện luôn.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Không dùng xe chuyên dụng có bộ giảm xóc để chở chai oxy mà chuyển bằng tay.

- Tay B dính dầu mỡ chạm vào chai oxy rất dễ gây nổ.

- Không có người giám sát, đôn đốc công nhân thực hiện các quy định an toàn.

*Biện pháp:*

Yêu cầu:

- Công nhân dùng xe có giảm xóc để chuyển chai oxy.

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định về an toàn trong sử dụng, vận chuyển chai oxy.

*Ghi nhớ:*

Phải nắm rõ, tuân thủ quy định về an toàn trong sử dụng, vận chuyển chai oxy.

**Tình huống 25:**

Nhà máy chế biến gỗ có dùng một xe xúc nâng để đưa cây gỗ đặt lên băng chuyền cấp gỗ cho máy, do thỉnh thoảng mới phải đưa cây gỗ lên băng chuyền cấp gỗ cho máy và để để tiết giảm nhân công nên lãnh đạo nhà máy không bố trí một người lái xe riêng mà cho phép bất kỳ công nhân nào cũng có thể vận hành xe này.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Cho phép bất kỳ người nào lái xe xúc nâng mà không được đào tạo sẽ gây nguy hiểm và nguy cơ gây tai nạn.

- Vi phạm quy định về an toàn lao động.

*Biện pháp:*

Yêu cầu NSDLĐ chỉ bố trí người đã được đào tạo chuyên môn và đã được huấn luyện ATVSLĐ lái xe xúc nâng.

*Ghi nhớ:*

Phải tuân thủ quy định về an toàn trong sử dụng xe xúc nâng.

**Tình huống 26:**

Trong lúc lò hơi đang vận hành, phát hiện lò hơi cạn sạch nước, công nhân vận hành báo cáo với quản đốc, quản đốc chỉ đạo công nhân vận hành bơm nước vào.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

Bơm nước vào lò hơi lúc đang vận hành là sai quy trình vận hành lò hơi, gây sự cố.

*Biện pháp:*

Yêu cầu không được bơm nước, phải ngưng đốt lò và đề lò nguội mới được bơm nước vào.

*Ghi nhớ:*

- Phải tuân thủ quy trình vận hành an toàn lò hơi.

- Cần phải phải phân tích chỉ đạo của cấp trên có đúng quy định an toàn không. Nếu biết chắc là chỉ đạo của cấp trên là sai, nếu thực hiện sẽ gây sự cố, tai nạn thì từ chối và trao đổi lại hoặc báo cáo cho người có trách nhiệm cao hơn.

**Tình huống 27:**

Máng chứa phoi của máy tiện quá đầy, phoi thép tràn ra và rơi xuống đất, công nhân vận hành máy tiện tiếp tục làm việc.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

Máng phoi đầy mà không dọn dẹp, phoi thép sắc rơi xuống đất nếu dẫm phải có thể bị cứa chân.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu công nhân vận hành dừng máy để dọn phoi trên máng và dưới đất.

- Dùng dụng cụ chuyên dùng để dọn phoikhông được bơm nước, phải ngưng đốt lò và đề lò nguội mới được bơm nước vào.

*Ghi nhớ:*

- Phải tuân thủ quy trình vận hành an toàn lò hơi.

- Cần phải phải phân tích chỉ đạo của cấp trên có đúng quy định an toàn không. Nếu biết chắc là chỉ đạo của cấp trên là sai, nếu thực hiện sẽ gây sự cố, tai nạn thì từ chối và trao đổi lại hoặc báo cáo cho người có trách nhiệm cao hơn.

**Tình huống 28:**

Cuối ca làm việc, công nhân vận hành máy phải vệ sinh máy trước khi ra về. Khi vệ sinh máy, phải tắt máy và chờ máy ngừng hoạt động hắn mới được làm việc. Một số công nhân do muốn làm nhanh nên đã không tắt máy hoặc chờ máy dừng hẳn đã làm.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Không tắt máy hoặc chờ máy dừng hẳn đã tiến hành làm có thể xảy ra tai nạn do bị máy cuốn, kẹp. Vi phạm quy trình an toàn vận hành máy, thiết bị.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu công nhân dừng ngay việc vệ sinh và tắt máy/chờ máy dừng hẳn mới được làm.

- Yêu cầu NSDLĐ, quản lý giám sát, nhắc nhở NLĐ thực hiện đúng các quy định về an toàn.

*Ghi nhớ:*

Phải tuân thủ quy trình an toàn. Không được làm bừa, làm ẩu.

**Tình huống 29:**

Công nhân A đứng ở bậc trên cùng của thang để quét sơn, công nhân B đang làm nhiệm vụ giữ chân thang thì bỏ đi vệ sinh mà không báo cho A, A xuống thang đi tìm B ở thư thế quay lưng lại với thang.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- A đứng ở bậc trên cùng của thang để làm việc không có chỗ bám vịn và xuống thang ở tư thế quay lưng lại với thang là mất an toàn có thể xảy ra trượt ngã.

- B bỏ đi khi đang giữ thang có thể làm thang bị trượt gây tai nạn cho A đang đứng trên thang làm việc.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu công nhân A không được đứng ở bậc trên cùng của thang để làm việc và khi xuống thang phải quay mặt vể phía thang và hai tay bám vịn vào thân dọc của thang.

- Nhắc nhở công nhân B chỉ được rời khỏi vị trí giữ thang khi A đã thôi làm việc và xuống khỏi thang.

*Ghi nhớ:*

Phải tuân thủ quy định về an toàn khi làm việc. Phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình làm việc.

**Tình huống 30:**

Công nhân A cắt vải ở bàn trải vải trên máy cắt vải không có kẹp - chặn vải, lưỡi dao cắt không có thiết bị che chắn. Đằng sau lưng A có gắn một bóng đèn chiếu sáng hỗ trợ.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Máy cắt thiếu thiết bị kẹp - chặn vải, lưỡi dao cắt không có thiết bị che chắn có thể cắt vào tay.

- Đèn chiếu sáng ở sau lưng gây bóng làm A không quan sát rõ khi làm việc.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu công nhân A dừng làm việc và đề nghị NSDLĐ, cán bộ quản lý lắp thiết bị kẹp - chặn vải và che chắn lưỡi cắt bảo đảm an toàn mới làm việc.

- Lắp đặt lại vị trí bóng đèn hỗ trợ bảo đảm không gây bóng, đủ ánh sáng khi làm việc.

*Ghi nhớ:*

Máy, thiết bị phải bảo đảm an toàn mới được vận hành. Thiết kế, bố trí đèn chiếu sáng đủ sáng và không tạo bóng hay gây chói lóa khí làm việc.

***Tình huống 31:***

Công nhân A không sử dụng các phương tiện bảo vệ cá nhân và một mình thực hiện công việc hàn gần kho chứa vật liệu dễ cháy?

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Công nhân A đã vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy khi hàn gần kho chứa vật liệu dễ cháy có thể làm văng bắn tia lửa, xỉ hàn gây cháy kho vật liệu.

- Công nhân A không sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân: quần, áo, mũ, giày, găng tay bảo hộ lao động, mặt nạ/kính hàn.

- Không có người giám sát người lao động.

*Biện pháp:*

- Yêu cầu công nhân A dừng ngay công việc hàn và nói cho công nhân A biết về nguy cơ làm cháy kho vật liệu.

- Yêu cầu công nhân A thực hiện nghiêm quy định về phòng cháy chữa cháy khi hàn gần kho vật liệu dễ cháy, giữ khoảng cách hoặc cách ly khu vực hàn với kho vật liệu dễ cháy.

- Yêu cầu công nhân A thực hiện đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và giám sát

*Ghi nhớ:*

- Phải thực hiện nghiên các quy định về phòng cháy, chữa cháy và sử dụng đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân khi hàn điện.

- Cử người giám sát chặt chẽ người lao động khi làm việc.

***Tình huống 32:***

Khi đi qua khu vực bếp ăn của đơn vị đã tắt đèn, không còn người trong đó, phát hiện thấy mùi khí gas nồng nặc bốc ra từ khu vực bếp ăn tập thể, người quản lý dự định đi giày đế có kim loại và dùng bật lửa để tìm bật công tắc đèn điện để kiểm tra và bật luôn quạt điện cho khí gas bay ra ngoài và bật bếp để kiểm tra và đứng trong bếp dùng điện thoại di động gọi điện ngay để hỗ trợ.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

- Dùng bật lửa, đi giày đế có kim loại, bật công tắc đèn điện, quạt điện và dùng điện thoại di động gọi điện ở khu vực rò rỉ khí gas có nguy cơ rất cao phát sinh nhiệt hoặc tia lửa điện gây cháy nổ do có khí gas.

- Bật bếp ga để kiểm tra khí gas dẫn đến cháy nổ.

*Biện pháp:*

- Di chuyển thận trọng vào khu vực bếp, không đi các loại giày, dép có kim loại dưới đế để tránh phát sinh tia lửa gây nổ.

- Tiếp cận khu vực đặt bình chứa khí gas, kiểm tra và khóa van bình gas để khí gas không rò rỉ ra ngoài.

- Mở cửa sổ, các ô thoáng, cửa ra vào và dùng các dụng cụ thô sơ (quạt giấy, quạt nan hoặc các vật dụng tương tự khác) để lùa khí gas bay ra ngoài.

- Sử dụng nước nước xà phòng (nước rửa bát) hòa với nước bôi lên đường ống dẫn để kiểm tra xem vị trí thủng trên đường ống dẫn để có biện pháp khắc phục kịp thời;

- Gọi điện cho nhà cung cấp khí gas hoặc lực lượng Cảnh sát PCCC qua số 114 để được hỗ trợ xử lý tình huống một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

*Ghi nhớ:*

- Không được dùng bật lửa để chiếu sáng, đi giày đế có kim loại, bật công tắc đèn điện, quạt điện ở khu vực có khí gas rò rỉ.

- Không được dùng bật lửa để chiếu sáng, chỉ được sử dụng đèn pin để kiểm tra.

- Không sử dụng điện di động (nghe, gọi) tại khu vực khí gas rò rỉ.

***Tình huống 33:***

Máy photocopy đang làm việc thì ổ cắm điện bị chập cháy, phát sinh nhiều khói, nhân viên A đang vận hành máy photocopy định lấy nước để dội vào ổ cắm đang bị cháy để dập cháy và khói, sau đó dùng tay rút phích cắm điện ra.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời***

*Sai sót:*

**-** Dùng nước để chữa cháy điện không có tác dụng chữa cháy và có thể gây chập điện.

- Nước tràn ra sàn, nền nhà có thể dẫn điện gây điện giật và trơn trượt cho người đi vào khu vực có nước.

- Dùng tay rút phích cắm điện khỏi ổ điện đang chập cháy, bốc khói có thể bị bỏng và ngạt khói.

*Biện pháp:*

- Nhanh chóng hô hoán cho mọi người xung quanh biết có sự cố cháy để cùng hỗ trợ dập đám cháy.

- Chạy đến cắt cầu dao điện cấp điện cho máy photocopy để bảo đảm an toàn, giảm nguy cơ bị điện giật, bỏng và ngạt khói và chống cháy lan truyền ở các thiết bị điện khác.

- Dùng bình chữa cháy bằng bột hoặc khí có tác dụng chữa cháy thiết bị điện để phun vào đám cháy, dập tắt ngọn lửa.

- Gọi điện thoại báo cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp qua số 114.

- Nếu chữa cháy ban đầu không thể dập tắt đám cháy và cháy tiếp tục lan trên thiết bị khác, thì nhanh chóng di chuyển thoát nạn ra nơi an toàn theo các lối đường thoát nạn trong công trình.

*Ghi nhớ:*

- Phải thực hiện đúng phương pháp, kỹ năng, dụng cụ, trang thiết bị chữa cháy cho từng loại đám cháy, từng loại vật liệu cháy và địa điểm, không gian cháy.

- Nếu chữa cháy ban đầu không thể dập tắt đám cháy, phải nhanh chóng di chuyển thoát nạn ra nơi an toàn theo các lối đường thoát nạn trong công trình và gọi điện thoại báo cháy cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

***Tình huống 34:***

Tại xưởng may 2 tầng, có hệ thống thang bộ là lối đi lên xuống và thoát nạn. Các cửa thoát nạn được thiết kế và lắp đặt khi mở cửa sẽ kéo vào trong nhà xưởng, để dễ quản lý và chống trộm thì các cửa thoát nạn tại tầng 1 luôn bị khóa và chỉ để 1 cửa ở đầu xưởng và 1 cửa ở cuối xưởng để công nhân đi lại và vận chuyển. Cầu thang lên xuống và tại các cửa thoát hiểm để nhiều vật dụng nhằm tận dụng mặt bằng.

*Hỏi:*

*1. Là ATVSV anh (chị) thấy ở tình huống trên có gì sai sót thiếu an toàn?*

*2. Biện pháp xử lý của anh (chị) để đảm bảo an toàn?*

*3. Các biện pháp làm việc an toàn anh (chị) thấy cần ghi nhớ qua tình huống trên?*

***Gợi ý trả lời:***

*Sai sót:*

**-** Các cửa thoát nạn được thiết kế mở vào trong sẽ gây khó khăn khi có cháy hay sự cố xảy ra.

- Cửa thoát nạn bị khóa làm công nhân không thể thoát ra ngoài khi có cháy hay sự cố xảy ra.

- Lối lên xuống cầu thang và khu vực cửa thoát nạn để các vật dụng gây cản trở di chuyển thoát nạn.

*Biện pháp:*

- Sửa chữa, lắp đặt lại các cửa thoát nạn mở ra ngoài nhà xưởng và không được khóa khi có công nhân đang làm việc.

- Dọn dẹp, không để các vật dụng trên cầu thang, lối đi lại và ở khu vực cửa thoát hiểm để tạo thông thoáng, không cản trở di chuyển khi có cháy hoặc xảy ra sự cố.

*Ghi nhớ:*

- Lối đi lại, cửa ra vào, cửa thoát hiểm phải được thiết kế, thi công đúng yêu cầu về phòng cháy chữa cháy và thoát nạn, thoát hiểm và phải đảm bảo thông thoáng và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng, thuận tiện cho việc di chuyển, thoát nạn khi có cháy hoặc xảy ra sự cố.

**THỰC HÀNH SƠ CẤP CỨU TAI NẠN LAO ĐỘNG**

**(20 tình huống)**

**Câu 1:Thực hành phương pháp cố định gãy xương cánh tay hở?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: 2 nẹp để cố định, 1 băng vải to bản, băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra theo đường xoáy trôn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

- Tiến hành nẹp cố định xương bị gãy:

+ Đặt 1 nẹp từ hõm nách đến khuỷu tay, một nẹp từ trên vai đến khuỷu tay ở mặt ngoài;

+ Dùng băng cố định tại điểm ngang hõm nách, giữa cánh tay, trên khuỷu tay;

+ Cố định tay nạn nhân trong tư thế cẳng tay vuông góc với cánh tay, lòng bàn tay úp xuống dưới bằng băng vải vòng qua cổ;

- Cho nạn nhân dùng các thuốc giảm đau nếu đau nhiều;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất, hoặc gọi cấp cứu 115;

- Động tác cố định chắc chắn.

**Câu 2:** **Thực hành phương pháp băng vết thương ở đỉnh đầu?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng, cồn, gạc…

- Cắt tóc quanh vùng vết thương;

- Khử trùng vết thương (chú ý không để chạm vào óc nếu vết thưong bị lòi óc.; đặt gạc khử trùng kín lên vết thương;

- Bắt đầu băng từ trên tai phải, qua trán, phía trên tai trái, phía dưới xương chẩm về vị trí ban đầu và băng thêm 1 vòng nữa như trên;

- Lần thứ 2 khi vòng đến giữa trán thì gấp băng lại, ngón cái và ngón trỏ tay trái giữ lấy, đưa băng qua đỉnh đầu tới xương chẩm, nhờ nạn nhân hoặc người khác giữ giúp;

- Cứ thế băng từ trán xuống gáy rồi từ gáy lên trán, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 cho đến khi băng kín cả đầu thì băng thêm 2 vòng quanh đầu như bước 1 để cố định.

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 3: Thực hành phương pháp cố định gãy xương cẳng chân hở?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: 2 nẹp để cố định, băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng

- Băng vết thương: Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

- Tiến hành nẹp cố định xương gãy:

+ Đặt 2 nẹp dài từ cổ chân tới giữa đùi, một nẹp phía trong, một nẹp phía ngoài (chú ý đặt bông gạc đẹm ở 2 bên mắt cá chân, 2 bên gối)

+ Dùng băng cuộn cố định 2 nẹp vào nhau ở giữa đùi, trên và dưới vết thương (chỗ gãy), cổ chân, bàn chân.

- Dùng các loại thuốc giảm đau nếu có điều kiện;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất, hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 4: Thực hành băng vết thương ở giữa gan bàn chân?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

+ Cuộn 2 vòng băng ở gần ngón chân từ ngoài vào trong;

+ Băng chéo qua mu bàn chân, vòng qua mắt cá;

+ Băng chéo qua mu bàn chân bắt chéo với vòng trước, qua gan bàn chân về chỗ cũ;

+ Vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3. Cứ như thế cho đến khi băng kín cả bàn chân thì cuộn 2 vòng ở cổ chân;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 5:Thực hiện xử lý sơ cấp cứu vết thương gãy xương bàn tay và ngón tay kín?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: 2 nẹp để cố định, băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng

- Nếu nạn nhân mang nhẫn thì tháo bỏ ngay trước khi sưng tấy. Cố định ngón tay gãy với ngón tay lành;

- Tiến hành nẹp cố định xương gãy:

+ Đặt miếng đệm ở lòng bàn tay để giữ cho bàn tay ở tư thế ngửa bàn tay lên phía trên, xong dùng nẹp cố định bàn tay, có xương gãy với cẳng tay

+ Dùng băng chéo treo cẳng tay có ngón tay gãy lên

- Dùng các loại thuốc giảm đau nếu có điều kiện;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất, hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 6: Thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị điện giật và ngất?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

\* Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện.

\* Phương pháp cấp cứu:

Thực hiện hà hơi thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực theo trình tự:

- Đưa nạn nhân ra nơi thoáng mát, đặt nằm ngửa trên nền cứng;

- Ép tim ngoài lồng ngực:

+ Người cấp cứu quỳ bên phải nạn nhân;

+ Đặt lòng bàn tay trái vào 1/3 dưới xương ức nạn nhân, lòng bàn tay phải bắt chéo lên mu bàn tay trái;

+ Dùng sức mạnh cả cơ thể ấn mạnh vuông góc xương ức nạn nhân, sau đó nới tay để ngực nạn nhân quay trở về vị trí cũ.

- Kết hợp hà hơi thổi ngạt:

+ Nghiêng đầu nạn nhân sang một bên, mở miệng, dùng ngón tay quấn gạc đưa vào miệng nạn nhân để lấy hết dị vật nếu có, lau sạch miệng, kéo lưỡi nạn nhân ra;

+ Để đầu nạn nhân ngửa, kê gối dưới gáy để đầu ngửa tối đa, đặt miếng gạc mỏng lên miệng nạn nhân;

+ Người cấp cứu quỳ ngang vai phải nạn nhân, tay trái bịt mũi và ấn trán nạn nhân xuống, tay phải giữ cằm để mở miệng nạn nhân ra, hít vào hết sức, úp miệng mình khít vào miệng nạn nhân và thổi ra hết sức;

+ Làm kết hợp nhịp nhàng, nhanh, dứt khoát. Nếu có 1 người cấp cứu thì cứ sau 15 lần ép tim dừng lại thổi ngạt 1 lần; nếu có 2 người cấp cứu thì sau 4 lần ép tim phải dừng lại thổi ngạt 1 lần;

+ Thực hiện đến khi nạn nhân hồi phục và gọi nhân viên y tế đến hoặc gọi 115.

**Câu 7: Thực hành băng sơ cứu thương ở mắt phải?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng, gạc vô trùng, cồn, nước muối sinh lý...

- Dùng thuốc sát trùng làm sạch quanh mắt;

- Đặt băng gạc vô trùng lên mắt;

- Băng từ thái dương bên phải vòng qua phía trên tai trái, tới dưới chỗ phình xương chẩm trên tai phải về chỗ bắt đầu băng (băng 2 vòng như vậy);

- Lần 2 khi đến chỗ phình xương chẩm qua dưới tai phải, chếch lên che kín mắt phải, đưa mép băng qua sống mũi rồi lại qua trên thái dương đến chỗ phình xương chẩm;

- Cứ vòng sau đè lên vòng trước ở chỗ tai phải và chếch dần xuống phía trên thái dương cho đến khi băng kín mắt rồi băng thêm 2 vòng trên đầu để cố định;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 8: Thực hành phương pháp đặt garô trong trường hợp cụt chi hoặc đứt động mạch chi trên?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng, một que cứng để cố định.

- Tiến hành:

+ Gỡ cuộn băng ra, gập đôi và buộc lại để có chiều dài vừa buộc;

+ Buộc ga rô ở phía trên vết thương 3 đến 4 cm, dùng que xoắn chặt cho đến khi máu không chảy nhiều ở vết thương nữa thì dùng băng cố định que xoắn lại;

+ Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

+ Lập phiếu theo dõi ga rô ghi rõ họ tên nạn nhân, thời gian đặt ga rô, vị trí đặt ga rô

+ Trong thời gian đặt ga rô, cứ 30 - 40 phút phải nới lỏng ga rô 1 lần (mỗi lần 1-2 phút) để phòng hoại tử (khi thấy phần tay hồng lên thì buộc lại);

+ Sau đó chuyển nạn nhân đến bệnh viện hoặc cơ sở y tế gần nhất, hoặc gọi cấp cứu 115 (nhớ phải thông báo chi tiết địa điểm, loại tai nạn, tình trạng nạn nhân).

**Câu 9: Thực hiện xử lý vết thương phần mềm gót chân phải (băng bằng băng cuộn)?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

+ Kê cao chân nạn nhân

+ Cuộn 2 vòng băng từ gót chân lên trên mu chân

+ Từ cạnh mắt cá chéo qua mu chân xuống gan chân, băng kín 1/3 gót.

+ Tiếp tục băng kín vùng cổ chân: băng theo hình số tám, băng dần lên mắt cá và mu chân, các vòng gặp nhau và bắt chéo ở mu chân;

+ Cố định băng phía cổ chân: Khi băng kín gót, cuộn 2 vòng ở cổ chân rồi buộc nút lại.

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 10: Thực hành băng vết thương ở mu bàn tay?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

+ Cuộn 2 vòng băng ở cuối ngón tay;

+ Băng hình số 8 ở mu bàn tay;

+ Băng chặt ở cổ tay;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 11: Thực hành phương pháp cố định gãy xương đùi kín?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: 2 nẹp : 1 dài, 1 ngắn, băng cuộn...;

- Cố định chân gãy:

+ Đặt nẹp ngắn vào phía trong mắt cá chân tới bẹn; đặt nẹp dài phía ngoài mắt cá chân tới tận nách;

+ Buộc cố định 2 nẹp vào đùi ở phía trên và phía dưới chỗ bị gãy, rồi đến cổ chân, sau đến lồng ngực, thắt lưng, chậu hông, trên đầu gối, dưới đầu gối;

+ Buộc 2 chân vào nhau, buộc ở cổ chân, đầu gối và đùi;

+ Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi câp cứu 115.

- Cấm chuyển nạn nhân khi chưa cố định.

**Câu 12: Thực hành phương pháp cố định gãy xương cẳng tay hở?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: 2 nẹp để cố định, 1 băng vải to bản, băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Băng vết thương: Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra theo đường xoáy trôn ốc sau đó đặt gạc lên và băng lại;

- Tiến hành nẹp cố định xương bị gãy:

+ Đặt 1 nẹp dài từ mỏm khuỷu tới mu bàn tay, một nẹp từ khuỷu tới gan bàn tay, buộc cố định nẹp ở dưới khuỷu, trên và dưới vết thương, cổ tay;

+ Cố định tay nạn nhân trong tư thế cẳng tay vuông góc với cánh tay, lòng bàn tay ngửa lên trên bằng băng vải vòng qua cổ;

- Cho nạn nhân dùng các thuốc giảm đau nếu đau nhiều;

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất, hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 13: Thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị say nóng, say nắng?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuyển ngay nạn nhân đến chỗ mát, thoáng gió;

- Nới, Cởi bỏ bớt quần, áo;

- Cho uống nước mát có pha có pha thêm muối, hoặc Oresol;

- Hạ nhiệt từ từ bằng cách chườm lạnh bằng khăn mát hoặc nước đá ở những vị trí có động mạch lớn đi gần ngoài da như vùng nách, bẹn, cổ;

- Nếu nạn nhân hôn mê không uống được nước hoặc nôn liên tục, sốt tăng liên tục, kèm theo triệu chứng đau bụng, đau ngực, khó thở thì phải nhanh chóng chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất. Trong quá trình vận chuyển vẫn thường xuyên chườm mát cho nạn nhân.

**Câu 14: Thực hiện xử lý vết thương phần mềm đầu gối trái (băng bằng băng cuộn)?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

+ Để chân nạn nhân ở tư thế cơ năng (gối hơi gập)

+ Cuộn 2 vòng băng quanh đầu gối

+ Tiếp tục băng kín vùng đầu gối: băng theo hình số tám bít chéo ở phía trước đầu gối, vòng sau đè lên vòng trước 1/2 hoặc 2/3 vòng

+ Cố định băng phía trên đùi: Cuộn 2 vòng ở phía cánh tay rồi buộc nút lại.

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 15:Thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị lòi ruột ở bụng?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

+ Chuẩn bị dụng cụ: Bát sạch, bông băng, gạc ...

+ Tuyệt đối không được nhét ruột vào bụng, không được bôi sát khuẩn lên ruột, cấm cho nạn nhân ăn uống.

+ Sát khuẩn quanh vết thương;

+ Dùng bát đã được sát khuẩn (nếu không có bát, dùng băng cuộn quấn hình vành khuyên) úp kín lên vết thương;

+ Dùng băng quấn ép thật chặt bát (hoặc băng cuộn quấn hình vành khuyên) lên thành bụng;

+ Chuyển đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115;

+ Băng cố định bát phải chặt.

**Câu 16: Thực hành phương pháp cố định gãy xương hàm?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

*Dùng băng chéo tam giác*

- Chuẩn bị băng chéo tam giác, gạc bông

- Đặt gạc, bông vô khuẩn trên vết thương cằm, hàm;

- Đặt băng lên trên gạc bông;

- Kéo 1 đầu băng lên trên đỉnh đầu, vòng xuống mang tai;

- Kéo đầu kia lên đến khi 2 đầu băng gặp nhau, bắt chéo 2 đầu băng lại;

- Một đầu vòng qua trán, một đầu vòng qua gáy;

- Đến khi gặp nhau thì buộc chặt 2 đầu băng lại;

- Đưa nạn nhân vào bệnh viện.

**Câu 17: Thực hành sơ cứu một nạn nhân bị bỏng do nhiệt, do hoá chất?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Hiện tượng bỏng thường xảy ra do nhiều nguyên nhân: do nhiệt (ngọn lửa trần, chất lỏng nóng, kim loại nóng chảy...), hóa chất (axít, kiềm...);

- Rửa vết bỏng nhiều lần bằng nước sạch:

+ Dập lửa trên da bằng vải tẩm ướt;

+ Bỏng phốt pho: Dùng khăn ướt dập tắt lửa rồi đắp ướt lên vết thương;

+ Bỏng axít: Rửa bằng nước vôi trong, nước xà phòng;

+ Bỏng do kiềm: Đắp dấm, hoặc nước chanh quả;

+ Bỏng do điện: Ngắt điện.

- Băng vô khuẩn vết thương bỏng:

+ Tuyệt đối không bôi các loại thuốc lên vết bỏng khi chưa rửa sạch.

+ Nếu không có khăn thì lấy băng vải buộc lại.

- Chống sốt:

+ Giảm đau: Lấy gạc thấm Novocain1% đắp lên vết thương (ở bệnh viện có thể dùng Dalagan, mocphin);

+ Cho uống nước chè đường, nước muối;

+ Nằm chỗ thoáng nhưng không có gió lùa.

**Câu 18:Thực hiện xử lý sơ cứu vết thương phần mềm mặt trước trái vùng trán (băng bằng băng cuộn)?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Chuẩn bị dụng cụ: Băng cuộn, bông gạc, thuốc sát trùng;

- Làm sạch quanh vết thương bằng các loại thuốc sát trùng, bắt đầu từ trong ra ngoài theo hình xoáy trôn ốc sau đó đặt bông gạc che kín vết thương;

- Tiến hành băng vết thương:

+ Băng 2 vòng quanh đầu: từ phía trên tai phải vòng lên phía đỉnh đầu, qua tai trái, xương chẩm vòng về tai phải.

+ Tiếp tục băng vòng như vậy nhưng cứ vòng sau đến chố trán thì thấp hơn vòng trước và khi đến gáy thì cao hơn vòng trước, vòng sau đè lên trên vòng trước 1/2 cho đến khi băng kín trán.

+ Vòng cuối cùng băng thêm một vòng rồi cố định.

- Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi cấp cứu 115.

**Câu 19: Thực hành phương pháp cấp cứu nạn nhân bị thủng lồng ngực bằng băng cuộn?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

a/ Chuẩn bị: Bông, băng, gạc...

b/ Thao tác cấp cứu:

+ Để nạn nhân ở tư thế nửa nằm nửa ngồi;

+ Sát khuẩn quanh vết thương (làm từ trong ra ngoài theo vòng xoáy trôn ốc.;

+ Phủ gạc bông lên và đặt băng lên vết thương và băng quấn quanh ngực ép bên ngoài thật kín cho đến khi hết tiếng thở phì phò.

- Gọi cấp cứu 115;

**Câu 20*:* Thực hiện xử lý cấp cứu khi phát hiện nạn nhân bị ngất (ngừng hô hấp, tuần hoàn) nghi ngờ do bị ngạt thở do hơi khí độc?**

***Gợi ý trả lời và thao tác thực hành:***

- Nguyên nhân: nạn nhân ngạt do thiếu oxy và hơi khí độc gây ngừng hô hấp;

- Dấu hiệu:

+ Nạn nhân khó thở, thở chậm, thở nông hoặc ngừng thở;

+ Môi, mặt tái tím, vật vã, mê man.

- Phương pháp cấp cứu:

+ Đưa nạn nhân ra đặt nơi thoáng khí;

+ Đặt nạn nhân nằm ngửa, người cấp cứu quỳ ngang vai nạn nhân, một tay nâng cằm lên, một tay đặt trên trán ấn nhẹ xuống làm đầu nạn nhân ngửa ra sau gáy;

+ Mở miệng nạn nhân, đưa ngón tay vào miệng kiểm tra lấy dị vật nếu có, dùng băng gạc lau sạch nhớt dãi máu, kéo lưỡi nạn nhân ra để khai thông đường khí quản;

+ Người cấp cứu hít vào hết sức cho ngực phồng lên rồi mở miệng nạn nhân ra, một tay vừa bịt mũi vừa ấn trán xuống, một tay nâng cằm giữ miệng nạn nhân rồi úp miệng mình vào kín miệng nạn nhân thổi mạnh cho ngực nạn nhân phồng lên. Sau đó ngửa đầu lên hít vào hết sức rồi lại thổi vào miệng nạn nhân, mỗi lần thổi trong 1-2 giây, thổi 2 lần rồi áp tai lên bên trái ngực nạn nhân nghe, nếu không thấy tim đập thì tiếp tục thổi ngạt với tần số 12-15 lần/phút liên tục cho đến khi nạn nhân hồi tỉnh hoặc đồng tử giãn hết thì mới thôi.

+ Nếu nạn nhân bị ngộ độc chất ăn mòn hoặc miệng bị tổn thương nặng thì người cấp cứu:

\* 1 tay bịt miệng nạn nhân;

\* 1 tay ấn trán xuống cho đầu ngả về phía sau gáy, hít vào hết sức rồi ngậm miệng vào mũi nạn nhân thổi mạnh để hơi qua mũi vào phổi, tiếp tục thổi ngạt như trên.

\* Trường hợp tim ngừng đập phải kết hợp ép tim ngoài lồng ngực.

Chú ý: Trên đường đi cấp cứu vẫn phải tiếp tục thổi ngạt.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_